

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 4743 : 1989**

**XỬ LÝ THÔNG TIN – MÔ TẢ THƯ MỤC TÀI LIỆU –  
YÊU CẦU CHUNG VÀ QUY TẮC BIÊN SOẠN**

*Bibliographic description for document – General requirements and rules*

**HÀ NỘI - 2009**

## **Lời nói đầu**

TCVN 4743 : 1989 do Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị và được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ ) ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2009 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

## Xử lý thông tin – Mô tả thư mục tài liệu - Yêu cầu chung và quy tắc biên soạn

*Bibliographic description for document – General requirements and rules*

Tiêu chuẩn này quy định những yêu cầu chung đối với mô tả thư mục một tài liệu và các quy tắc biên soạn bản mô tả ấy: thành phần các yếu tố mô tả thư mục, trình tự sắp xếp các yếu tố, cách điền và phương pháp giới thiệu từng yếu tố, việc áp dụng các dấu phân cách quy ước.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các tài liệu thành văn công bố hoặc không công bố: sách, ấn phẩm tiếp tục, các tài liệu định mức kỹ thuật, các tài liệu kỹ thuật, các báo cáo nghiên cứu khoa học, các tài liệu dịch không công bố và luận án.

Tiêu chuẩn có tính chất bắt buộc đối với cơ quan thông tin KHKT, các thư viện, nhà xuất bản, các tổ chức xuất bản, các toà soạn và những cơ quan khác có làm thư mục.

Những thuật ngữ chủ yếu trong mô tả thư mục được nêu trong Phụ lục 1.

### 1 Những quy định chung

**1.1** Mô tả thư mục là tập hợp các thông tin thư mục về tài liệu, về một bộ phận của tài liệu hay về một nhóm tài liệu được nêu theo những quy tắc nhất định. Các thông tin ấy cần và đủ để nhận xét đặc điểm chung và nhận dạng tài liệu.

**1.2** Nguồn lấy các thông tin thư mục là tài liệu nói chung trước hết là những phần tài liệu có chứa thông tin về xuất bản

**1.2.1** Trong mô tả thư mục các thông tin được nêu dưới hình thức như đã được trình bày trong tài liệu hoặc có thể được diễn đạt trên cơ sở phân tích tài liệu

**1.2.2** Thành phần và trình tự sử dụng các nguồn thông tin thư mục được quy định trong các chương mục tương ứng của Tiêu chuẩn này.

**1.2.3** Có thể sử dụng các tài liệu thư mục, các mục lục thư viện, tài liệu tra cứu và các nguồn khác để thuyết minh các thông tin hiện có và lấy thêm những thông tin còn thiếu. Các thông tin thư mục lấy

từ các nguồn ấy và cả những thông tin do người mô tả tự diễn đạt trên cơ sở phân tích tài liệu được ghi trong ngoặc vuông.

**1.2.4** Đối với các vùng mô tả thư mục, tiêu chuẩn quy định nguồn chính thức từ đó rút ra các thông tin từ thư mục. Nếu không có nguồn ấy thì lấy một nguồn khác chứa thông tin đầy đủ nhất. Các thông tin thư mục không lấy nguồn từ nguồn chính có thể ghi trong ngoặc vuông.

**1.3** Bản mô tả thư mục bao gồm các yếu tố được tập hợp thành các vùng và có thể có tiêu đề mô tả (tuỳ theo chức năng của từng loại mục lục và ấn phẩm thông tin thư mục). Các yếu tố và các vùng được nêu theo thứ tự quy định trong Tiêu chuẩn. Một số yếu tố và vùng có thể được lặp lại.

Các thông tin thư mục có liên quan tới yếu tố khác nhau nhưng lại liên hệ với nhau về phương diện ngữ pháp trong cùng một câu, được ghi vào yếu tố đứng trước.

**1.4** Các yếu tố mô tả thư mục chia thành những yếu tố bắt buộc và những yếu tố không bắt buộc.

**1.4.1** Những yếu tố bắt buộc đảm bảo cho việc nhận dạng tài liệu. Các yếu tố ấy được ghi trong mọi mô tả thư mục nếu có các thông tin tương ứng trong nguồn mô tả. Trong mô tả, bỏ các yếu tố bắt buộc chung cho một nhóm mô tả thư mục nếu các yếu tố ấy đã được đưa vào tên của chương mục hay vào nhan đề của các ấn phẩm thông tin, thư mục.

**1.4.2** Các yếu tố không bắt buộc cung cấp thông tin phụ thêm về tài liệu (về nội dung, đối tượng người đọc, tài liệu minh hoạ...)

Thành phần các yếu tố không bắt buộc là do các thư viện hoặc cơ quan thông tin quyết định. Thành phần đó là cố định đối với một mảng tin nhất định (mục lục thư viện, ấn phẩm thông tin, thư mục, cơ sở dữ liệu,..)

Các yếu tố không bắt buộc được nêu đầy đủ nhất trong các mô tả thư mục dùng cho thư mục quốc gia, phiếu mục lục in (biên mục tập trung).

**1.5** Trong mô tả thư mục, các vùng, các yếu tố có các dấu phân cách đứng trước như sau:

- Chấm và gạch ngang với khoảng cách trước và sau dấu gạch ngang.

. Chấm với khoảng cách sau dấu đó

, Phẩy với khoảng cách sau dấu đó

: Hai chấm với khoảng cách trước và sau dấu đó

; Chấm phẩy với khoảng cách trước và sau dấu đó

// Hai gạch xiên với khoảng cách trước và sau dấu đó

( ) Ngoặc đơn với khoảng cách trước dấu thứ nhất và sau dấu thứ hai

[ ] Ngoặc vuông với khoảng cách trước dấu thứ nhất và sau dấu thứ hai

+ Dấu cộng với khoảng cách trước và sau dấu đó

= Dấu bằng với khoảng cách trước và sau dấu đó

**1.5.1** Trước mỗi vùng mô tả, trừ vùng đầu tiên, đều có dấu chấm và gạch ngang (-). Bỏ gạch ngang trong trường hợp vùng được ghi bắt đầu từ một dòng mới.

Nếu không có yếu tố đầu tiên của một vùng, thì dấu chấm và gạch ngang được đặt trước yếu tố tiếp sau. Trong trường hợp này không cần ghi dấu phân cách đặc trưng cho yếu tố tiếp sau.

**1.5.2** Trong phạm vi một yếu tố, các dấu ngắt câu phải phù hợp với các quy định ngôn ngữ được dùng trong mô tả.

**1.5.3** Nếu một yếu tố kết thúc bằng một từ viết tắt có dấu chấm ở cuối mà dấu tiếp theo là dấu chấm và gạch ngang thì khi mô tả bỏ bớt một dấu chấm.

VÍ DỤ: 450 tr. - ( Tủ sách Đại học Bách Khoa)

3- е изд., испр. идоп

Trong các trường hợp khác, duy trì cả hai loại dấu; dấu ngắt câu và dấu phân cách quy ước.

**1.5.4** Không dùng phân cách đối với các yếu tố liên hệ với nhau về phương diện ngữ pháp trong một câu.

**1.6** Mô tả thư mục nói chung được biên soạn bằng ngôn ngữ của nội dung tài liệu, trong đó một phần thông tin (ví dụ ở vùng số liệu) được phép viết bằng tiếng Việt.

**1.6.1** Mô tả thư mục có thể được biên soạn theo ngôn ngữ dùng trên trang tên (ngôn ngữ của các thông tin về xuất bản). Nếu ngôn ngữ của nội dung tài liệu khác với trang tên và tài liệu chỉ có một trang tên duy nhất trình bày bằng một thứ tiếng thì khi mô tả phải ghi chú về ngôn ngữ của nội dung tài liệu.

**1.6.2** Nếu nội dung tài liệu viết bằng một thứ tiếng và trang tên cũng trình bày bằng nhiều thứ tiếng trong số đó có ngôn ngữ của nội dung tài liệu, thì mô tả theo ngôn ngữ của nội dung tài liệu.

**1.6.3** Nếu nội dung tài liệu viết bằng nhiều thứ tiếng và trang tên cũng trình bày bằng nhiều thứ tiếng thì giải quyết như sau:

**1.6.3.1** Nếu trong số các ngôn ngữ dùng trong nội dung tài liệu và trên trang tên có tiếng Việt thì mô tả theo tiếng Việt.

**1.6.3.2** Nếu không có tiếng Việt, mà nội dung tài liệu có một thứ tiếng được dùng nhiều hơn, thì mô tả theo thứ tiếng đó.

**1.6.3.3** Nếu trong nội dung tài liệu các thứ tiếng đều được dùng như nhau, thì mô tả sẽ được biên soạn theo ngôn ngữ của nước xuất bản tài liệu hoặc theo ngôn ngữ được trình bày đầu tiên trên trang tên nếu tài liệu do nhiều nơi xuất bản.

**1.6.4** Một số yếu tố mô tả có thể được trình bày bằng những ngôn ngữ khác nhau nếu những yếu tố

này trình bày trên trang tên cũng bằng những ngôn ngữ khác nhau.

**1.6.5** Trong trường hợp cần thiết có thể mô tả bằng cách phiên âm, phiên chữ hoặc dịch sang tiếng Việt nhưng phải chú thích về ngôn ngữ nguyên bản.

**1.7** Mô tả thư mục phải tuân theo những quy định chính tả hiện đại.

**1.7.1** Từ đầu tiên của mỗi yếu tố (trừ các thông tin về minh họa) đều bắt đầu bằng chữ cái hoa.

Những chữ viết hoa khác được nêu ra theo các quy định của ngôn ngữ mô tả bất kể trên tài liệu các chữ cái được trình bày như thế nào.

**1.7.2** Nếu trên trang tên có những chỗ in sai và lầm lẫn mà không làm thay đổi ý nghĩa, thì sửa lại khi mô tả và không phải ghi chú.

Những chỗ sai sót và in nhầm làm thay đổi ý nghĩa của văn bản, cũng như tất cả các sai sót trong họ tên những người tham gia biên soạn tài liệu, những sai sót về năm tháng cần được sửa lại và ghi chú trong mô tả.

**1.8** Khi mô tả được phép sử dụng các cách viết tắt và các chữ viết tắt theo quy định.

**1.8.1** Trong một số trường hợp, nếu tên tài liệu quá dài có thể bỏ bớt một phần yếu tố hoặc một phần câu. Chỗ lược bớt thay bằng 3 chấm (...).

**1.9** Những quy tắc cơ bản về biên soạn mô tả thư mục tài liệu được trình bày trong phần 2 và các phần tiếp theo.

**1.10** Những ví dụ mô tả thư mục được nêu trong Phụ lục 2.

Những ví dụ minh họa các quy tắc cụ thể được nêu trong văn bản của tiêu chuẩn.

**1.11** Các yếu tố của bản mô tả thư mục được nêu trong các danh mục cùng với các dấu phân cách quy ước đi trước chúng.

Dấu phân cách của vùng không được nêu trong các danh mục. Trong khi mô tả, dấu này được sử dụng theo quy định tại mục 2.5.1.

Dấu “sao” (\*) cho biết rằng, yếu tố đó hoặc vùng đó có thể được lặp lại cùng với dấu phân cách quy ước trước nó.

Các yếu tố bắt buộc được gạch dưới.

## **2 Mô tả thư mục sách**

### **2.1 Những quy định cơ bản**

**2.1.1** Đối tượng mô tả thư mục là sách, tập mỏng, ấn phẩm một tập hay nhiều tập và cả từng tập riêng lẻ của ấn phẩm nhiều tập hay ấn phẩm tiếp tục.

**2.1.2** Đối với ấn phẩm một tập, biên soạn mô tả thư mục chuyên khảo, đối với ấn phẩm nhiều tập, mô

tả thư mục tổng hợp. Bản thư mục tổng hợp chứa một tập hợp các thông tin về toàn bộ ấn phẩm nhiều tập hay một số tập của ấn phẩm đó.

## 2.2 Các nguồn lấy thông tin thư mục

Các nguồn lấy thông tin thư mục được sử dụng theo thứ tự sau: trang tên sách và các dạng của nó, trong đó có trang tên sách kết hợp với chính văn (phần trên cùng của trang chính văn đầu tiên), trang tên sách phụ, mặt sau trang tên sách, bìa, các thông tin trước các chi tiết ấn loát, các chi tiết ấn loát, mục lục, chính văn của ấn phẩm...

## 2.3 Cấu trúc bản mô tả thư mục

**2.3.1** Bản mô tả thư mục chuyên khảo chỉ bao gồm một phần. Bản mô tả thư mục tổng hợp gồm phần chung và phần riêng hay chỉ có phần chung. Đặc trưng của mô tả ấn phẩm nhiều tập xem mục 3.1.1.

**2.3.2** Danh mục các vùng và các yếu tố mô tả thư mục chuyên khảo của ấn phẩm một tập.

Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Nhan đề chính

\* = Nhan đề song song

\* : Thông tin liên quan đến nhan đề

Thông tin về trách nhiệm

/ Thông tin đầu

\* ; Thông tin tiếp theo

Vùng lần xuất bản

Thông tin về lần xuất bản

Thông tin về trách nhiệm liên quan đến lần xuất bản

/ Thông tin đầu

\* ; Thông tin tiếp theo

\* , Thông tin bổ sung về lần xuất bản

Vùng địa chỉ xuất bản

Nơi xuất bản

Nơi xuất bản đầu

\* ; Nơi xuất bản tiếp theo

\* : Nhà xuất bản (tổ chức), người xuất bản hay phát hành

, Năm xuất bản

(Nơi in

\* : Nhà in)

Vùng đặc trưng số lượng

Khối lượng

: Minh hoạ

; Khổ sách

+ Tài liệu kèm theo

Vùng từng thư

(Nhan đề chính của từng thư

\* = Nhan đề song song của từng thư

\* : Thông tin liên quan đến nhan đề từng thư

Thông tin về trách nhiệm liên quan đến từng thư

/ Thông tin đầu

\* : Thông tin tiếp theo

, Chỉ số ấn phẩm từng thư theo tiêu chuẩn quốc tế (ISSN)

; Số thứ tự tập của từng thư

. Nhan đề chính của từng thư con

\* = Nhan đề song song của từng thư con

\* : Thông tin liên quan đến nhan đề từng thư con

Thông tin về trách nhiệm liên quan đến từng thư con

/ Thông tin đầu

\* ; Thông tin tiếp theo

, ISSN của từng thư con

; Số thứ tự tập của từng thư con)

Vùng phụ chú

Vùng chỉ số sách theo tiêu chuẩn quốc tế (ISBN), giá tiền, số lượng in.

ISBN

\* : Giá tiền

, Số lượng in

## **2.4 Vùng nhan đề và các thông tin về trách nhiệm**

**2.4.1** Vùng này bao gồm nhan đề sách cùng với các thông tin liên quan đến nhan đề và thông tin về các cá nhân hay cơ quan (tổ chức) tham gia vào việc xây dựng và chuẩn bị xuất bản cuốn sách.



**2.4.2** Nguồn chính lấy thông tin thư mục cho vùng này là trang tên sách và các dạng của nó, trong đó có trang tên kết hợp; nếu không có trang tên sách thì căn cứ vào bìa sách.

### **2.4.3 Nhan đề chính**

Nhan đề chính được trình bày trên trang tên sách. Khi có vài nhan đề bằng một thứ tiếng thì chọn nhan đề nào được trình bày nổi bật bằng phương pháp ấn loát hoặc bằng màu sắc; nếu không có các dấu hiệu ấy thì mô tả nhan đề đầu tiên trên trang tên sách.

**2.4.3.1** Nhan đề chính mô tả như được trình bày trên trang tên sách, ví dụ:

Văn học – cuộc sống – thời đại

100 вопросов- 100 ответов

**2.4.3.2** Nhan đề chính có thể là nhan đề chuyên đề (đặc trưng) hay nhan đề loại hình.

Nhan đề chuyên đề (đặc trưng) thể hiện đề tài và nội dung cuốn sách, ví dụ:

Cơ học lượng tử

Nature, aim and methods of microchemistry

Основы Экономических знаний

Nếu ấn phẩm không có nhan đề nào khác ngoài tên tác giả hoặc tên cơ quan (tổ chức) thì tên tác giả đó được coi là nhan đề chính không phụ thuộc là trên trang tên sách có các thông tin về loại hình tài liệu (thường in chữ nhỏ so với tên tác giả) hay không, ví dụ:

Hồ Chí Minh

William Faulkner

Viện Khoa học Việt Nam

Nhan đề loại hình bao gồm từ chỉ thể loại của ấn phẩm hay các thể loại văn học của ấn phẩm, ví dụ:

Hồi ký

Thơ

Guide

Information

Путеводитель

**2.4.3.3** Nếu nhan đề chính bao gồm một số câu, cụm từ thì mô tả theo thứ tự trình bày trong sách cùng với các dấu ngắt câu, ví dụ:

Cười đông, cười tây, cười kim cười cổ

Что такое Кто такой

Nếu giữa các câu không có dấu ngắt câu thì ngăn cách chúng bằng dấu chấm, ví dụ:

Культура. Религия Атеизм

**2.4.3.4** Ngày, tháng bổ sung cho nhan đề chính và các thông tin về địa điểm tiến hành hội nghị, triển lãm không liên quan về mặt ngữ pháp với nhan đề thì mô tả rút gọn một số từ sau nhan đề chính và cách nhan đề chính bằng dấu phẩy, ví dụ:

Đề cương báo cáo tại hội nghị chuyên đề các khoa học về trái đất, TP. Hồ Chí Minh, 1977.

Рабочий класс Российской Федерации 1917 – 1980 гг

Không sử dụng dấu phẩy nếu các thông tin trên ghi trong ngoặc đơn hay trước chúng có dấu ngữ pháp khác, ví dụ:

Tuyển tập công trình nghiên cứu chăn nuôi (1969- 1984)

Nếu cuốn sách không có nhan đề thì cấu tạo ra nhan đề chính dựa vào nội dung của cuốn sách và để trong ngoặc vuông.

#### **2.4.4 Nhan đề song song**

**2.4.4.1** Nhan đề song song là nhan đề bằng ngôn ngữ khác được mô tả sau nhan đề chính và ngăn cách với nhan đề chính bởi dấu bằng, ví dụ:

Thông báo khoa học của các trường đại học = Bulletin scientifique de l'enseignement superieur.

**2.4.4.2** Nếu có một số nhan đề song song thì khi mô tả chỉ ghi không quá hai (kể cả nhan đề chính là ba) theo thứ tự trình bày trên trang tên sách. Trước mỗi nhan đề song song đặt dấu bằng, ví dụ:

Черноморское ожереме = Black see game = Le collier de la Mer Noire

Các nhan đề song song còn lại đưa xuống phụ chú

#### **2.4.5 Thông tin liên quan đến nhan đề**

**2.4.5.1** Thông tin liên quan đến nhan đề làm sáng tỏ và giải thích nội dung của nhan đề chính, đồng thời quy định rõ công dụng của cuốn sách.

Các thông tin liên quan đến nhan đề là: nhan đề khác nêu trên ấn phẩm, các thông tin về loại hình, thể loại văn học, công dụng của cuốn sách, về cuốn sách là bản dịch từ ngôn ngữ khác..

**2.4.5.2** Thông tin liên quan đến nhan đề được mô tả như trình bày tên trang tên sách

**2.4.5.3** Thông tin liên quan đến nhan đề được mô tả sau nhan đề chính hay nhan đề song song và trước mỗi thông tin khác loại đặt dấu hai chấm, ví dụ:

Thời xa vắng: tiểu thuyết

Triết học Mác Lênin: Chủ nghĩa duy vật biện chứng: Giáo trình trường Đảng cao cấp

Từ điển kỹ thuật tổng hợp Nga – Việt = Русско- Вьетнамский политехнический словарь

khoảng 80.000 thuật ngữ.

#### 2.4.6 Thông tin về trách nhiệm

**2.4.6.1** Thông tin về trách nhiệm bao gồm các dẫn liệu về cá nhân hoặc cơ quan (tổ chức) tham gia vào việc biên soạn và chuẩn bị xuất bản cuốn sách.

**2.4.6.2** Trong các thông tin về trách nhiệm nêu họ, tên (biệt hiệu) các tác giả, những người biên soạn, hiệu đính và những cá nhân, các cơ quan (tổ chức) tham gia xây dựng và xuất bản cuốn sách, ví dụ:

Họ chiến đấu vì Tổ Quốc: Tiểu thuyết/ M.Sôlôkhốp; Nguyễn Duy Bình dịch; Anh Trúc giới thiệu

Механизация и автоматизация трудоемких процессов переработки полимеров Сб науч тр ВНИИ резинотехн машиностроения

**2.4.6.3** Thông tin về tác giả cá nhân là bắt buộc. Khi mô tả sách có nhan đề loại hình mà không nêu tác giả cá nhân thì nhất thiết phải mô tả tên cơ quan (tổ chức).

**2.4.6.4** Thông tin về trách nhiệm ghi sau các thông tin có liên quan đến nhan đề và ngăn cách bằng dấu gạch chéo. Giữa các nhóm thông tin về trách nhiệm ngăn cách nhau bằng dấu chấm phẩy. Các thông tin trong một nhóm cách nhau bằng dấu phẩy, ví dụ:

Cơ chế kinh tế và tiến bộ kỹ thuật / A.V Bátsurin ; Người dịch: Bùi Xuân Chính, Trần Thị Thu

**2.4.6.5** Các thông tin về trách nhiệm có liên quan về mặt ngữ pháp với nhau mô tả như trình bày trên trang tên sách, ví dụ:

/ Prep. pour le Bureau intern. d'education par B. Holmes

/ Подгот Н П Стариновой

**2.4.6.6** Các thông tin về tất cả các nhân vật và các cơ quan cần thì rút gọn số lượng theo quy định sau:

Đối với tác giả chính là cá nhân nếu số lượng có từ 1-4 thì mô tả cả ví dụ:

Thực tập hoá học nông nghiệp: dùng làm giáo trình giảng dạy trong các trường Đại học Nông nghiệp/ Võ Minh Kha, Hà Huy Khê, Phan Thị Lành, Vũ Hữu Yên.

Nếu số tác giả chính từ năm trở lên thì ghi ba tác giả đầu và phẩy ba chấm (...), ví dụ:

Luyện toán lớp 8/ Văn Như Cương, Ngô Xuân Sơn, Vũ Hữu Bình,...

Đối với người biên soạn, hiệu đính, dịch thuật, minh hoạ... nếu trong mỗi nhóm có hai tên ghi cả hai, ví dụ:

Lý thuyết đồ thị và ứng dụng / C.L.D. BécưGiơ; Người dịch: Nguyễn Hữu Nguyên, Nguyễn Văn Vi.

Nếu số lượng những người trên nhiều hơn hai thì chỉ ghi họ, tên một người rồi thêm dấu phẩy ba chấm

(,...), ví dụ:

Trong các thông tin về trách nhiệm ghi tên cơ quan (tổ chức) tham gia xây dựng ấn phẩm. Nếu số lượng từ ba trở lên chỉ mô tả tên một cơ quan (tổ chức) rồi thêm phẩy ba chấm (...), ví dụ:

Tóm tắt luận án tốt nghiệp của học sinh (1957- 1967)/ Trường Đại học dược khoa

Памятники письменности в музеях Вологодской области Каталог-путеводитель БАН СССР,...

**2.4.7** Các đặc trưng mô tả các yếu tố của vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm đối với các tuyển tập không có nhan đề chung.

**2.4.7.1** Các tuyển tập không có nhan đề chung bao gồm các tác phẩm của một tác giả, một số tác phẩm của các tác giả khác nhau hay bao gồm một số tác phẩm mà tác giả không ghi trong sách.

Khi mô tả một tuyển tập không có nhan đề chung trong vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm ghi các thông tin bổ sung cho từng tác phẩm có trong tuyển tập và cả các thông tin chung cho tất cả các tác phẩm.

**2.4.7.2** Ở vùng nhan đề và các thông tin về trách nhiệm tuyển tập các tác phẩm của một tác giả ghi nhan đề của từng tác phẩm theo thứ tự trình bày trên trang tên sách, ngăn cách nhau bằng dấu chấm phẩy, ví dụ:

Ngôi nhà trái tim tan vỡ; Nữ thanh Jan; Chiếc xe táo: Kịch/Bơ-na-Sô; Bùi Ý,....dịch

**2.4.7.3** Khi mô tả tuyển tập các tác phẩm của nhiều tác giả khác nhau thì ghi nhan đề từng tác phẩm cùng với các thông tin về trách nhiệm tương ứng; mỗi nhóm tác phẩm và tác giả cách nhau bằng dấu chấm, ví dụ:

Được đảm bảo bằng vàng:[Kịch ba hồi của Bungari]/ Đra-gô-mia A-xe-nốp; Người dịch Vũ Đình Phùng.  
Lisa mắt đen: [Kịch dài 8 cảnh của Cộng hoà dân chủ Đức]/ Nen-mut Sa-côp-xki; Người dịch Quang Chiến.

**2.4.7.4** Các thông tin liên quan đến tất cả các tác phẩm trong tuyển tập không có tên chung được ghi sau tác phẩm cuối cùng, ví dụ:

Украинаж Стихия Романы Предисл В Яновского

Có thể giải thích cho rõ hơn tính chất chung của các tác phẩm ở vùng phụ chú.

**2.4.7.5** Nếu trên trang tên sách của tuyển tập có nhiều nhan đề của các tác phẩm riêng biệt thì khi mô tả ghi không quá hai nhan đề.

## **2.5 Vùng lần xuất bản**

**2.5.1** Vùng này bao gồm các thông tin về sự khác biệt của lần xuất bản này với lần xuất bản khác của ấn phẩm.

**2.5.2** Nguồn lấy thông tin chính của vùng này là trang tên sách.

**2.5.3** Các thông tin về lần xuất bản sách bao gồm thông tin về tái bản, về in lại, về ý nghĩa đặc trưng của lần xuất bản, về hình thức đặc biệt của bản in lại.

Các thông tin này mô tả như được trình bày trên trang sách. Số thứ tự là chữ Ả rập, ví dụ:

Xuất bản lần thứ 2

Spec. student ed

3-е изд., испр. и доп.

**2.5.4** Trong các thông tin về trách nhiệm có liên quan đến lần xuất bản mô tả họ, tên cá nhân và cả tên cơ quan tham gia xây dựng ấn phẩm của lần xuất bản ấy, ví dụ:

2-е изд., доп./ При участии В. А. Андреева

**2.5.5** Trong các thông tin bổ sung cho lần xuất bản ghi các dẫn liệu về những đặc điểm thay đổi so với lần xuất bản khác (tái bản, in lại). Các thông tin bổ sung này được mô tả nếu chúng nằm ở nguồn chính, ví dụ:

Новое изд. Перепеч с изд 1934 г

## 2.6 Vùng địa chỉ xuất bản

**2.6.1** Vùng địa chỉ xuất bản bao gồm các thông tin về địa điểm (thành phố) mà nhà xuất bản đặt trụ sở, cá nhân hoặc cơ quan (tổ chức) xuất bản và năm xuất bản cuốn sách.

**2.6.2** Nguồn lấy thông tin mô tả là trang tên sách, các yếu tố khác của cuốn sách, trước chính văn và các dẫn liệu về ấn loát.

**2.6.3** Tên địa điểm xuất bản

Tên địa điểm xuất bản được mô tả đầy đủ hoặc viết tắt theo lối viết thông dụng trong từng thứ tiếng. Với ấn phẩm xuất bản ở Hà Nội và Sài Gòn (trước 1975) thì ghi tắt bằng chữ "H", "S". Riêng thành phố Hồ Chí Minh được mô tả là "TP.Hồ Chí Minh".

**2.6.3.1** Nếu ấn phẩm được xuất bản ở hai địa điểm thì mô tả cả hai cách nhau bằng dấu chấm phẩy, Ví dụ:

H.; T.P, Hồ Chí Minh

Paris; London

Khi có nhiều hơn hai nơi xuất bản thì ghi tên nơi xuất bản nào được trình bày nổi bật bằng phương pháp ấn loát. Nếu không có đặc trưng này thì ghi nơi đầu tiên rồi phẩy ba chấm, ví dụ:

Trong sách

Trong mô tả

Tokyo

London

Tokyo;..

New York

**2.6.3.2** Nếu không tìm được thông tin về địa điểm xuất bản thì ghi từ:

[K.đ.] cho sách tiếng Việt

[Б М без места

[S.I] (Sine loco) cho sách gốc tiếng Latinh

**2.6.4** Tên của nhà xuất bản hay tổ chức xuất bản được ghi theo hình thức ngắn gọn nhất.

Chỉ ghi tên riêng của nhà xuất bản hay người xuất bản và lược bỏ những chữ “Nhà xuất bản” trong từng ngôn ngữ, ví dụ:

Trong sách

Trong mô tả

Nhà xuất bản Tác phẩm mới

Tác phẩm mới

Издательство Наука

Наука

Những nhà xuất bản không có tên riêng thì các chữ “Nxb” trong từng ngôn ngữ là một thành phần của tên gọi đầy đủ, khi mô tả phải giữ lại các chữ đó dưới dạng viết tắt, ví dụ:

Trong sách

Trong mô tả

Nhà xuất bản Thanh Hoá

Nxb. Thanh Hoá

British publishing company

Bristish publ.co,

**2.6.4.1** Nếu có hai nhà xuất bản ghi tên cả hai, trước mỗi nhà xuất bản đặt dấu hai chấm, ví dụ:

H. : Tác phẩm mới: Lao động

M. : Молд. гвардия : Музыка

Khi có từ ba nhà xuất bản trở lên thì ghi tên nhà xuất bản nào được nêu bật lên bằng phương pháp ấn loát, nếu không có dấu hiệu ấy thì ghi tên nhà xuất bản đầu tiên rồi phẩy ba chấm lửng, ví dụ:

London: McGraw- Hill,...

**2.6.4.2** Khi không có các thông tin về nhà (tổ chức) xuất bản thì ghi từ

[Knxb] cho sách tiếng Việt

[Б. и ] (без издательства) cho sách tiếng Nga

[S.n] (Sine nomine) cho sách gốc tiếng Latinh

**2.6.5** Nếu cuốn sách do hai nhà xuất bản ở hai thành phố khác nhau xuất bản thì các thông tin về mỗi nơi xuất bản và nhà xuất bản được mô tả phù hợp với quy tắc đã nêu ra. Trước nơi xuất bản thứ hai đặt dấu chấm phẩy, ví dụ:

H. : Kim đồng; T.P. Hồ Chí Minh: Măng non

M. : Прогресс; София:

Nếu cuốn sách do ba nhà xuất bản trở lên xuất bản thì mô tả địa điểm và nhà xuất bản nổi tiếng lên bằng phương pháp ấn loát, nếu thiếu dấu hiệu này thì lấy các thông tin đầu tiên.

**2.6.6** Năm xuất bản ghi bằng chữ số Ả rập không kể nó được trình bày như thế nào trong cuốn sách.

Trước năm xuất bản đặt dấu phẩy, ví dụ:

H. : Sự thật, 1985

Nếu không có năm xuất bản thì ghi năm in và nếu không có năm in thì ghi năm bản quyền (cho các sách tiếng nước ngoài), ví dụ:

In 1983

1969 printing

C' 1976

Nếu không có năm bản quyền thì ghi năm gắn sát trong ngoặc vuông, ví dụ:

[1969]

[1969 ?]

[196-]

[19-]

## **2.7 Vùng đặc trưng số lượng**

**2.7.1** Vùng này bao gồm các thông tin về khối lượng, khổ sách, minh họa và tài liệu kèm theo.

**2.7.2** Nguồn chính lấy các thông tin của vùng này là cuốn sách nói chung

**2.7.3** Trong các thông tin về khối lượng mô tả số trang thực tế (số tờ, số cột) bằng chữ số Ả rập và La mã hay bằng ký hiệu chữ cái phụ thuộc vào sự đánh số trên cuốn sách, ví dụ:

26 tờ

1798 cột

XXIV, 500 tr

C.A.-M

Nếu có dưới ba phần đánh số riêng biệt thì ghi cả ba, cách nhau bằng dấu phẩy. Nếu có từ bốn phần trở lên thì cộng số trang để trong ngoặc vuông, ví dụ:

[246 tr. đánh số từng phần]

Số trang hay số tờ không đánh số, được đếm và để trong ngoặc vuông, ví dụ:

## TCVN 4743 : 1989

135, [86], 35 tr.

[600 tr.]

**2.7.4** Trong các thông tin về minh hoạ ghi các minh hoạ nằm trong số trang và không nằm trong số trang. Các minh hoạ khác cách nhau bằng dấu phẩy (,), ví dụ:

492 tr. : minh hoạ, chân dung

250 tr. : bản đồ, bản vẽ.

180 C. : ил., карты

**2.7.5** Trong các thông tin về khổ ghi chiều cao của bìa sách bằng centimet tính tròn (lên). Nếu chiều rộng dài hơn chiều cao thì mô tả cả hai số liệu, ví dụ:

32 cm

24 × 35 cm

**2.7.6** Trong các thông tin về tài liệu kèm theo, ghi các từ đặc trưng cho tài liệu (anbom, tập bản đồ, tập bản vẽ...) hay từ “phụ chương” và các thông tin đặc trưng cho từng loại, ví dụ:

24 cm. + 1 đĩa hát (45 vòng/phút)

25 cm. + phụ chương

215 с.: Ил ; 21 см + Альбом (39 с .; 18 × 35 см )

Nhan đề đặc trưng của tài liệu kèm theo khác với nhan đề của sách thì đưa vào vùng phụ chú.

## 2.8 Vùng từng thư

**2.8.1** Vùng từng thư bao gồm các thông tin về ấn phẩm từng thư mà một tập của nó là cuốn sách.

VÍ DỤ Vụ án viết lại; T.5

**2.8.2** Nguồn chính lấy thông tin để mô tả đối với vùng này là cuốn sách nói chung.

**2.8.3** Vùng từng thư có thể nhắc lại nếu như cuốn sách đồng thời là một tập của hai (hay nhiều) từng thư. Thông tin về từng từng thư để lại trong hai ngoặc đơn (,).

VÍ DỤ (Сов. Воен. роман) (Библи. сер)

**2.8.4** Nhan đề chính từng thư được mô tả theo thứ tự và hình thức trình bày trên trang tên sách và có thể rút gọn.

VÍ DỤ (Tác phẩm chọn lọc dùng trong nhà trường)

(Научн. - биогр. Сер. )

Nhan đề song song của từng thư được mô tả như mục 2.4.4.



**2.8.5** Thông tin bổ sung cho nhan đề từng thư được ngăn cách với tên từng thư bằng dấu hai chấm (:).

VÍ DỤ (Жизнь замечательных людей: Сер. Биогр. )

**2.8.6** Thông tin về trách nhiệm liên quan đến từng thư mô tả như mục 2.4.6.

VÍ DỤ (Научн. Биогр. Сер./ Редкол. : Д . Л Яншин,... )

Tên cơ quan (tổ chức) chịu trách nhiệm xuất bản ấn phẩm từng thư đưa vào vùng từng thư nếu từng thư có nhan đề loại hình, ví dụ như “công trình”, “tin tức”, “thông tin tóm tắt”,...

(Sách tham khảo/Trường Đại học Sư phạm I)

(Труды / АН СССР)

Đối với nhan đề từng thư theo đề tài thì tên cơ quan (tổ chức) không ghi trong vùng từng thư trừ trường hợp cần thiết để nhận dạng từng thư.

**2.8.7** Chỉ số theo tiêu chuẩn quốc tế của ấn phẩm từng thư ISSN (từng thư) mô tả như được trình bày trên sách.

VÍ DỤ (В помощь прак врачу ИСЧН 0131-465 X)

**2.8.8** Số thứ tự tập từng thư ghi bằng chữ số Ả rập sau dấu chấm phẩy.

VÍ DỤ (Development in ummunology; Vol.2)

**2.8.9** Thông tin về từng thư con mô tả như mục 2.8.3, 2.8.8.

VÍ DỤ Văn học hiện đại nước ngoài. Văn học Pháp.

(Б- ка поэта Оси М Горьким Большаясер)

(Tác phẩm chọn lọc dùng trong nhà trường)

**2.8.10** Trường hợp ấn phẩm nhiều tập được mô tả lẻ theo nhan đề riêng của từng tập thì nhan đề chính của từng thư sẽ là nhan đề chung của ấn phẩm nhiều tập. Thay vào vị trí ISSN sẽ là ISBN của ấn phẩm nhiều tập nói chung.

## 2.9 Vùng phụ chú

**2.9.1** Vùng phụ chú bao gồm các thông tin bổ sung cho cuốn sách chưa được nêu ra ở các vùng khác nhau của bản mô tả.

**2.9.2** Nguồn chính lấy tin để mô tả cho vùng này là cuốn sách nói chung và các nguồn thông tin khác.

**2.9.3** Vùng phụ chú có thể được nhắc lại. Mỗi phụ chú cách nhau dấu chấm (.). Trong trường hợp các phụ chú chứa các đoạn mô tả các vùng thì phải kèm theo các dấu phân cách quy định phù hợp.

**2.9.4** Trước tiên mô tả các phụ chú bổ sung cho các vùng, các yếu tố mô tả, sau đến các phụ chú bổ sung cho ấn phẩm nói chung.

**2.9.5** Các phụ chú bổ sung cho các vùng và các yếu tố mô tả được trình bày theo thứ tự sắp xếp của chúng (xem mục 2.3.2.)

**2.9.6** Trong các phụ chú cho ấn phẩm nói chung, ghi các thông tin sau: Ngôn ngữ của chính văn cuốn sách (các phần của cuốn sách), của địa chỉ xuất bản, bộ máy tra cứu (danh mục, bảng tra,...), mối quan hệ với tài liệu khác (tái bản, bản gốc, phê bình, tóm tắt...) nguồn thông tin chính nếu mô tả không theo trang tên sách, các đặc trưng của hình thức ấn loát, nội dung (từng ấn phẩm, các chương, các phần,...), các phụ chú khác.

**2.10** Vùng chỉ số sách theo tiêu chuẩn quốc tế (ISBN), giá tiền và số lượng in

**2.10.1** Vùng này bao gồm các thông tin cần thiết để trao đổi sách, phát hành sách, thống kê bản in và cả các mục đích khác.

**2.10.2** Nguồn chính lấy các thông tin mô tả đối với vùng này là cuốn sách nói chung.

**2.10.3** Nếu trong cuốn sách có nhiều ISBN thì vùng này có thể nhắc lại.

**2.10.4** Chỉ số sách theo tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) được mô tả như trình bày trên sách.

VÍ DỤ ISBN 0-7132-1646-3

**2.10.5** Trong các thông tin về giá, mô tả bằng số cuốn sách kèm theo đơn vị tiền tệ phù hợp sau dấu hai chấm (:).

VÍ DỤ : 130đ

: 5 p. 45k

**2.10.6** Số lượng in ra bằng chữ số Ả rập với từ “bản” bằng” các ngôn ngữ phù hợp và cách số tiền 1 cm.,

VÍ DỤ : 90 đ      2000b.;

: 7p.      3.000.000.

## **2.11 Các đặc trưng của mô tả ấn phẩm nhiều tập**

**2.11.1** Trong phần chung của bản mô tả tổng hợp ấn phẩm nhiều tập ghi các thông tin thư mục chung cho tất cả hay phần lớn số tập, trong phần riêng ghi các thông tin dành cho từng tập.

Bản mô tả chỉ cấu tạo từ phần chung cho cả ấn phẩm nếu có đầy đủ tất cả các tập.

Các yếu tố trong phần chung và trong phần riêng của bản mô tả tổng hợp được quy định như mục 2.3, 2.10.

**2.11.2** Danh mục các vùng, các yếu tố của bản mô tả tổng hợp ấn phẩm nhiều tập.

Phần chung

Các yếu tố trong phần chung mô tả như mục 2.3.2 và 2.11.1

Phần riêng

Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Số của tập (xem mục 2.11.4)

: Nhan đề chính

\*= Nhan đề song song

\*: Thông tin liên quan đến nhan đề

/ Thông tin về trách nhiệm

Vùng lần xuất bản

Thông tin về lần xuất bản

/ Thông tin về trách nhiệm chỉ liên quan đến lần xuất bản

\*, Thông tin bổ sung về lần xuất bản

Vùng địa chỉ xuất bản

Nơi xuất bản

\*: Nhà xuất bản hay tổ chức xuất bản

, năm xuất bản

( Nơi in

: Nhà in)

Vùng đặc trưng số lượng

Khối lượng

: Minh họa

; Khổ sách

\*+ Tài liệu kèm theo

Vùng từng thư

( Nhan đề chính của từng thư

= Nhan đề song song của từng thư

\*: Thông tin liên quan đến nhan đề của từng thư

; Số thứ tự của tập trong từng thư

**2.11.3** Các đặc của thông tin thư mục trong phần chung của bản mô tả thư mục tổng hợp.

**2.11.3.1** Trong các thông tin liên quan đến nhan đề ghi số lượng tập của bộ sách đã xuất bản hoặc sẽ xuất bản nếu yếu tố này được ghi trong sách.

| VÍ DỤ | Trong sách               | Trong mô tả              |
|-------|--------------------------|--------------------------|
|       | Станочные приспособления | Станочные приспособления |
|       | Справочник В 2 томах     | Справочник В 2 т         |

**2.11.3.2** Trong vùng địa chỉ xuất bản ghi các năm xuất bản tập đầu và tập cuối, nối với nhau bằng dấu gạch ngang hay ghi một năm nếu tất cả các tập được xuất bản trong vòng một năm.

VÍ DỤ H.: Văn học 1974 – 1975

T.P. Hồ Chí Minh: Măng non, 1985

Khi mô tả một tập hợp chưa đầy đủ của ấn phẩm nhiều tập ghi năm đầu tiên và gạch ngang.

VÍ DỤ H. Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979 –

**2.11.3.3** Thông tin về tổng số tập của ấn phẩm là bắt buộc nếu đã có đủ (khi chưa xác định được thì để một khoảng trống).

**2.11.4** Phần riêng được mô tả sau phần chung trên một dòng mới hay viết liền. Nếu viết liền thì trước phần riêng đặt dấu chấm gạch ngang. Các thông tin về từng tập trong phần riêng được mô tả bắt đầu từ dòng mới hay viết liền. Khi mô tả từ dòng mới thì cuối các thông tin về từng tập đặt dấu chấm. Nếu viết liền thì các thông tin của từng tập cách nhau bằng dấu chấm phẩy.

Các thông tin ở phần riêng sắp xếp theo thứ tự sau:

Các yếu tố thuộc các vùng khác nhau ngăn cách nhau bằng dấu chấm gạch ngang.

Đặt dấu hai chấm giữa nhan đề chính và số thứ tự tập hay ký hiệu chữ cái

VÍ DỤ T.3: Phần cơ nhiệt

Phần riêng có thể mô tả dưới hình thức rút gọn. Trong trường hợp này loại bỏ tất cả hay một phần các thông tin về tập (các tập) trừ số tập (các tập) và ISBN của tập (các tập).

Số các tập nối với nhau bằng dấu gạch ngang.

VÍ DỤ T.1-6

Vol. 1-3; 5-8

**2.11.5** Đối với từng tập có thể mô tả thư mục theo nhan đề riêng của tập hay theo nhan đề chung của ấn phẩm nhiều tập.

**2.11.5.1** Mô tả tập theo nhan đề chung của ấn phẩm nhiều tập được biên soạn theo mục 2.11.3, 2.11.4 hay theo các mục 2.3-2.10. Trường hợp cuối cùng có thể mô tả theo nhan đề chung của ấn phẩm nhiều tập (coi như nhan đề chính) rồi đến số thứ tự tập và tên riêng của tập (nếu có).

**2.11.5.2** Mô tả thư mục từng tập theo nhan đề riêng được quy định như mục 2.4-2.11 Trong trường hợp này nhan đề riêng của tập là nhan đề chính. Các thông tin về ấn phẩm nhiều tập đưa vào từng thư.

### **3 Mô tả ấn phẩm tiếp tục**

#### **3.1 Những quy định cơ bản**

**3.1.1** Đối tượng mô tả thư mục là ấn phẩm tiếp tục nói chung (định kỳ, không định kỳ và từng thư) hoặc một nhóm các số (kỳ, tập) của ấn phẩm ấy.

**3.1.2** Ấn phẩm tiếp tục được mô tả tổng hợp.

Bản mô tả thư mục tổng được biên soạn cho các ấn phẩm tiếp tục xuất bản dưới cùng một nhan đề. Khi nhan đề thay đổi, mỗi ấn phẩm với nhan đề thay đổi được mô tả riêng.

Khi cần thiết hoặc tùy theo truyền thống mô tả và tổ chức mục lục chữ cái của từng cơ quan thông tin và thư viện, có thể biên soạn một bản mô tả chung cho tất cả các số (kỳ, tập), kể cả những số (kỳ, tập) đã thay đổi nhan đề.

#### **3.2 Các nguồn lấy thông tin thư mục**

**3.2.1** Các nguồn lấy thông tin cho mô tả thư mục tổng hợp là số đầu tiên trong tất cả các số (kỳ, tập) hiện có. Các nơi chứa thông tin trong các số ấy được sử dụng theo một trình tự quy định. Có thể lấy thêm thông tin thư mục từ các số (kỳ, tập) khác của ấn phẩm. Những thông tin thư mục còn thiếu có thể lấy từ các tài liệu tra cứu và các nguồn thông tin khác.

**3.2.2** Trình tự lấy các nguồn thông tin như sau: trang tên và các phần thay thế cho nhan đề, trang tên kết hợp với chính văn trang đầu và trang cuối (của báo), trang bên trái trang tên mở đôi, mặt sau trang tên, bìa, trang tên của chương (phần), các thông tin ở phần chi tiết ấn loát, các chi tiết ấn loát, mục lục, chính văn và các nguồn khác.

#### **3.3 Cấu trúc của văn bản mô tả thư mục tổng hợp**

**3.3.1** Bản mô tả thư mục tổng hợp của ấn phẩm tiếp tục bao gồm phần chung và phần riêng. Phần chung chứa những thông tin thư mục chung cho tất cả hay phần lớn các số (kỳ, tập). Phần riêng chứa những thông tin chỉ liên quan đến từng số (kỳ, tập) riêng lẻ.

Bản mô tả thư mục tổng hợp có khi chỉ có phần chung. Các vùng và các yếu tố trong phần chung và phần riêng được mô tả theo những quy tắc mô tả thư mục ấn phẩm một tập (phần 2) có tính chất đến những đặc điểm đã được trình bày trong các điều 3.4, 3.5.

**3.3.2** Danh mục các vùng và các yếu tố mô tả thư mục tổng hợp ấn phẩm tiếp tục

Phần chung

Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Nhan đề chính

\*= Nhan đề song song

\*: Thông tin liên quan đến nhan đề

/ thông tin về trách nhiệm

Vùng lần xuất bản

Thông tin về lần xuất bản

/ Thông tin về trách nhiệm chỉ liên quan đến lần xuất bản

\*, Thông tin bổ sung về lần xuất bản

Vùng số thứ tự

Số đầu và số cuối và (hoặc) năm, tháng đầu và năm, tháng cuối.

Vùng địa chỉ xuất bản

Nơi xuất bản

\*: Nhà xuất bản hoặc cơ quan xuất bản

.\_ năm xuất bản

( Nơi in

: Nhà in)

Vùng đặc trưng số lượng

Khối lượng

: Minh họa

; Khổ

Vùng từng thư

( Nhan đề chính của từng thư

= Nhan đề song song của từng thư

\*: Thông tin liên quan đến nhan đề từng thư

/ Thông tin về trách nhiệm đối với từng thư

, ISSN của từng thư

; Số thứ tự của ấn phẩm tiếp tục trong từng thư

. Nhan đề chính của từng thư con

\*= Nhan đề song song của từng thư con

: Thông tin liên quan đến từng thư con

/ Thông tin về trách nhiệm đối với từng thư con

Vùng phụ trú

Vùng chỉ số ấn phẩm tiếp tục theo tiêu chuẩn quốc tế (ISSN), giá tiền và số lượng in

ISSN

= Nhan đề khóa

\*: Giá tiền

, Số lượng in

Phần riêng

Số thứ tự của đơn vị phân chia chính, số thứ tự của đơn vị phân chia tiếp theo, các thông tin về bảng tra và phụ chương.

### **3.4 Quy định cụ thể đối với từng vùng và yếu tố mô tả**

#### **3.4.1 Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm**

##### **3.4.1.1 Nguồn lấy thông tin thư mục cho vùng này chủ yếu là:**

Trang tên và các dạng của nó, kể cả trang tên kết hợp với chính văn (đối với tạp chí, tập san, tuyển tập, từng thư) cũng như trang đầu và trang cuối (đối với báo)

##### **3.4.1.2 Nhan đề chính**

**3.4.1.2.1** Nhan đề chính được mô tả theo điều 2.4.3 có tính đến những đặc điểm được trình bày trong điều 3.4.1.2.2. Nhan đề chính của ấn phẩm tiếp tục có thể là:

– Một nhan đề phản ánh đề tài, gồm một hay nhiều từ (có thể có cả tên cơ quan, tổ chức) cũng như các chữ viết tắt đủ để nhận dạng ấn phẩm.

VÍ DỤ Nhân dân

Hà nội mới

Khoa học kỹ thuật nông nghiệp

Наука и жизнь ЭКО

– Một nhan đề chỉ thể loại tài liệu.

VÍ DỤ Tập san

Kỹ yếu công trình

Bulletin

Труды

**3.4.1.2.2** Nếu trên trang tên có hai dạng nhan đề: một dạng đầy đủ và một dạng viết tắt thì trong mô tả nhan đề chính sẽ là nhan đề được trình bày nổi bật bằng phương pháp ấn loát hoặc màu sắc, nếu không có những dấu hiệu này, thì là nhan đề nêu đầu tiên.

VÍ DỤ Trên ấn phẩm

**3.4.1.2.3** Nhan đề chính của một ấn phẩm tiếp tục là một xêri, phần (loại), phụ chương, gồm có:

Trên ấn phẩm  
Инженерно-физический журнал  
ИФЖ  
ЭКО  
Экономика и организация промыш-  
ленного производства

Trong mô tả  
Инженерно-физический журнал: ИФЖ  
ЭКО: Экономика и организация  
промышленного производства

**3.4.1.2.4** Nhan đề chính của một ấn phẩm tiếp tục là một xêri, phần loại, phụ chương, gồm có:

- Nhan đề chung cho tất cả các xêri, phần (loại) và nhan đề riêng (phụ thuộc) của từng xêri (phần, loại). Nhan đề riêng gắn liền với nhan đề chung bằng các từ: "Xêri", "Phần", "Loại" Серия, Раздел, Part, Series... Nhan đề chung cách nhan đề riêng phụ thuộc bằng một dấu chấm. Ký hiệu (bằng số hoặc chữ cái) của xêri (phần, loại), nếu có, thì ghi trước nhan đề riêng và cách nhan đề chung bằng dấu phẩy (,), ví dụ:

Thông tin khoa học kĩ thuật. Chăn nuôi

Известия академии наук                      Серия геологическая

Станкостроительная и инструментальная промышленности. Серия 3. Литейное производство

- Trường hợp nhan đề riêng của xêri (phần, loại) độc lập với nhan đề chung và được làm nổi bật bằng phương pháp ấn loát hoặc màu sắc thì nhan đề chung được nêu ở vùng từng thư, ví dụ:

British journal of applied physics.....(Journal of physics; D)

Авиационная техника... (Изв. высш. учеб. заведений)

**3.4.1.2.5** Nếu nhan đề chính bao gồm cả năm tháng và số thứ tự thay đổi theo từng số (kỳ, tập) thì bỏ qua phần này của nhan đề và thay bằng dấu ba chấm, ví dụ:

Кết quả đo địa từ của đài vật lý địa cầu Sapa năm...

Народное хозяйство Казахстана в ... году

Năm tháng và số thứ tự của từng số (kỳ, tập) ghi ở vùng số thứ tự và phần riêng.

### **3.4.1.3 Nhan đề song song**

Nhan đề song song được mô tả theo điều 2.4.4.

Nhan đề song song bao gồm nhan đề chung và nhan đề riêng được mô tả theo cả hai phần (chung và riêng) của nhan đề chính, ví dụ:



Shornik Vysoke skoly zemedelske v Praze, Rada A, Rostlina Vyroba = Доклады сельскохозяйственного института в Праге, Серия А, Растениеводство.

#### 3.4.1.4 Thông tin liên quan đến nhan đề

**3.4.1.4.1** Thông tin liên quan đến nhan đề bao hàm một dạng khác của nhan đề (dầy đủ hay viết tắt, còn gọi là nhan đề khác), những thông tin về đề tài, loại hình, công dụng của ấn phẩm, những thông tin cho biết ấn phẩm là một tài liệu dịch hay phụ chương của một ấn phẩm khác, cũng như những thông tin về tổ chức xuất bản và định kỳ xuất bản nếu về mặt ngữ pháp các thông tin ấy có liên hệ với những thông tin nào đó nêu trên.

**3.4.1.4.2** Thông tin liên quan đến nhan đề được mô tả sau nhan đề chính và nhan đề song song đúng như hình thức và trình tự nêu trên trang tên và cách những yếu tố trước bằng dấu hai chấm. Trong các thông tin liên quan đến nhan đề thì dạng khác của nhan đề được nêu đầu tiên, ví dụ:

Инженерно-физический журнал: ИФЖ: Всесоюз. Ежемес.: Инж.-физ.журнал.

**3.4.1.4.3** Thông tin liên quan đến nhan đề chính bao gồm nhan đề chung và nhan đề riêng phụ thuộc và được mô tả như điều 3.4.1.4.2., ví dụ:

Известия Северо-Кавказского научного центра Высшей школы. Общественные науки: науч.-теорет. и приклад. журнал.

**3.4.1.4.4** Khi mô tả, thông tin liên quan đến nhan đề bao gồm cả năm tháng hay số thứ tự thay đổi theo từng số (kỳ, tập) thì bỏ qua các số liệu đó và thay bằng ba chấm, ví dụ:

Техничесикие средства съемки кинофильмов: Указ. лит. за...  
Năm tháng và số thứ tự ghi ở phần riêng, cũng như trong vùng số thứ tự.

#### 3.4.1.5 Thông tin về trách nhiệm

**3.4.1.5.1** Thông tin về trách nhiệm bao gồm tên cơ quan (tổ chức) và họ tên của các cá nhân kèm theo những từ chỉ vai trò của họ trong quá trình chuẩn bị ấn phẩm tiếp tục (biên tập, sáng lập,...).

**3.4.1.5.2** Những thông tin về trách nhiệm, trong đó có tên của cơ quan (tổ chức), là yếu tố bắt buộc trong trường hợp nhan đề chính chỉ gồm một hay nhiều từ chỉ thể loại tài liệu, ví dụ:

Tập san/ Viện kĩ thuật giao thông

Thông báo sách mới/ thư viện khoa học và kĩ thuật trung ương

Thông báo khoa học/ Đại học tổng hợp Hà Nội

**3.4.1.5.3** Thông tin về trách nhiệm được nêu sau nhan đề chính hoặc nhan đề song song hoặc sau thông tin liên quan đến nhan đề và phân cách với yếu tố trên bằng một dấu vạch xiên (/).

**3.4.1.5.4** Thông tin về trách nhiệm liên quan đến nhan đề chính bao gồm nhan đề chung và nhan đề riêng được mô tả như điều 3.4.1.5.3., ví dụ:

Physical review. A. General physics/Amer. Physical Soc.

Thông tin về trách nhiệm chỉ liên quan đến nhan đề chung hoặc chỉ liên quan đến nhan đề riêng, được nêu sau nhan đề liên quan.

**3.4.1.5.5** Thông tin về các cơ quan (tổ chức), cũng như người biên tập, được nêu theo các điều

2.4.6.6 Thông tin về những người sáng lập chỉ nêu khi là các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội và văn học lớn và được trình bày đúng như hình thức ghi trên xuất bản phẩm, ví dụ:

### **3.5 Vùng lân xuất bản**

Thông tin trong vùng này được nêu theo điều 2.5

### **3.6 Vùng số thứ tự**

**3.6.1** Vùng số thứ tự bao gồm thông tin về số được xuất bản đầu tiên và cuối cùng và (hoặc) năm đầu tiên và năm kết thúc. Vùng này còn phản ánh thông tin về sự gián đoạn của ấn phẩm và những thay đổi trong cách đánh số hoặc đánh số lại từ đầu.

**3.6.2** Vùng số thứ tự bao gồm thông tin về:

- Số đầu tiên và số cuối cùng và (hoặc) năm tháng đầu tiên và năm tháng kết thúc, giữa đặt gạch nối (-), trong trường hợp mô tả một ấn phẩm trọn vẹn (đã đình bản).

- Số đầu tiên và (hoặc) năm tháng đầu tiên, sau đó gạch nối và bỏ trống, trong trường hợp ấn phẩm còn tiếp tục xuất bản.

**3.6.3** Nguồn chính để lấy thông tin thư mục cho vùng này là ấn phẩm nói chung, cũng như những tài liệu tra cứu và các nguồn thông tin khác.

**3.6.4** Tùy theo cách đánh số thứ tự mà mô tả có thể bắt đầu bằng năm tháng hoặc bằng số.

**3.6.4.1** Với các ấn phẩm đánh thứ tự theo năm thì ghi năm trước, số sau. Năm và số ghi bằng chữ số Ả Rập, ví dụ:

1981, No4

Chú ý: Không cần phải ghi số, nếu là số đầu tiên của năm bắt đầu và số cuối cùng của năm kết thúc.

**3.6.4.2** Với cách đánh số xuyên suốt, ghi tên đơn vị phân chia (tập, kỳ, số), sau đó ghi năm xuất bản đơn vị này trong ngoặc đơn, ví dụ: T.1 (1983)

Bỏ năm xuất bản của số đầu tiên và số cuối cùng, nếu các số này trùng với các năm nêu trong vùng địa chỉ xuất bản.

**3.6.4.3** Ngày tháng ghi theo thứ tự sau: năm, tháng hoặc năm, ngày và tháng, ví dụ:

1980, tháng 3

1979, 15 tháng 1

**3.6.4.4** Nếu có sự gián đoạn trong dãy số thứ tự hoặc ấn phẩm đánh số lại, thì ghi cả hai dãy số, đặt giữa dấu chấm phẩy (;), ví dụ:

1930-1941; 1945-1946

T,1 (1962) – 6 (1967); Ser 2, T.1 (1968) –

### 3.7 Vùng địa chỉ xuất bản

**3.7.1** Vùng địa chỉ xuất bản chứa thông tin về nơi xuất bản, nhà xuất bản và (hoặc) phát hành, năm xuất bản.

**3.7.2** Nguồn chủ yếu lấy thông tin thư mục cho vùng này là ấn phẩm nói chung.

**3.7.3** Những yếu tố trong vùng được mô tả theo điều 2.6 có tính đến những đặc điểm sau đây:

- Nơi xuất bản được coi là thành phố hoặc một địa điểm dân cư khác nơi xuất bản (tổ chức xuất bản) hoặc chi nhánh của nhà xuất bản để đặt trụ sở. Nếu không có những thông tin này thì nơi xuất bản là địa điểm của tòa soạn (ban biên tập).

- Khi mô tả ấn phẩm nói chung, nếu còn tiếp tục xuất bản thì nêu năm xuất bản số đầu và gạch ngang (-), sau đó để trống một khoảng bằng 4 chữ in, ví dụ:

H., 1979 –

- Khi mô tả một ấn phẩm đã đình bản, nêu năm xuất bản số đầu và số cuối, giữa đặt gạch ngang, ví dụ:

H. : Khoa học kỹ thuật, 1959 – 1972.

### 3.8 Vùng đặc trưng số lượng

Vùng chứa thông tin về khối lượng (số lượng trang, tờ, cột, tập), về minh họa, về khổ của một số (tập, quyển) của ấn phẩm tiếp tục, về tài liệu kèm theo. Những thông tin này được nêu trong phần chung của mô tả tổng hợp, nếu chúng đều như nhau đối với tất cả hoặc phần lớn các số (tập), theo điều 2.7.

Thông tin về số lượng tập có thể nêu trong mô tả từng thư và các tuyển tập ra kế tiếp đã đình bản (điều 2.11- 3.3).

Chỉ ghi thông tin về tài liệu kèm theo trong trường hợp có cơ sở để xác định rằng số (tập, quyển) nào của ấn phẩm tiếp tục cũng có một loại tài liệu kèm theo nhất định.

### 3.9 Vùng từng thư

Vùng từng thư nêu thông tin về ấn phẩm tiếp tục mà trong thành phần có tất cả các số (quyển, tập) của ấn phẩm tiếp tục đang mô tả. Vùng này được lặp lại, nếu ấn phẩm tiếp tục thuộc thành phần của nhiều ấn phẩm tiếp tục khác.

Những yếu tố trong vùng từng thư được nêu theo điều 2.8, ví dụ:

(FAO publication, ISSN....; No 192).

### **3.10 Vùng phụ chú**

**3.10.1** Vùng này nêu thông tin về lịch sử ấn phẩm, những thông tin liên quan đến những vùng và yếu tố mô tả, những thông tin về đặc điểm cấu tạo và những đặc điểm khác của ấn phẩm mà chưa được phản ánh ở những vùng trên.

Phụ chú trình bày bằng tiếng Việt, gọn và đủ rõ.

Trong vùng phụ chú có thể có những thông tin về: năm tháng thành lập ấn phẩm tiếp tục nói chung, mối liên quan với các ấn phẩm tiếp tục khác, sự gián đoạn trong quá trình xuất bản, việc tiếp tục xuất bản, đình bản, ngôn ngữ chính văn, một bộ phận của chính văn, sự hiện diện của các ấn phẩm phát hành song song bằng các ngôn ngữ khác, các thư mục, bảng tra, đặc điểm cấu tạo và ấn loát..

Phụ chú về các vùng và các yếu tố mô tả được ghi theo trình tự quy định cho các vùng và yếu tố đó.

**3.10.2** Nguồn chủ yếu lấy các thông tin thư mục cho vùng phụ chú là ấn phẩm tiếp tục nói chung. Các tài liệu tra cứu và các nguồn thông tin khác.

**3.10.3** Trong vùng phụ chú các dấu phân cách được sử dụng như điều 2.9.3.

**3.11** Vùng chỉ số ấn phẩm tiếp tục theo tiêu chuẩn quốc tế (ISSN), giá tiền và số lượng in.

**3.11.1** Vùng này cung cấp những thông tin cần cho việc trao đổi thông tin KHKT, trao đổi sách, phát hành sách, thống kê ấn phẩm cũng như để đặt mua ấn phẩm tiếp tục.

Khi mô tả ấn phẩm tiếp tục là một phần, loại có nhan đề phụ thuộc thì ghi cả hai chỉ số ISSN: một chỉ số chung và một chỉ số riêng, giữa hai chỉ số đặt dấu phẩy (hoặc có thể chỉ ghi chỉ số riêng: của phần hay phân loại).

**3.11.2** Nguồn chính để lấy các thông tin thư mục cho vùng này là ấn phẩm nói chung. Ngoài ra còn sử dụng các tài liệu tra cứu để tìm nhan đề khác.

**3.11.3** ISSN được mô tả đúng như hình thức trình bày trên ấn phẩm. Chẳng hạn: ISSN 0206 – 5711.

Khi mô tả tài liệu viết bằng chữ cái Kirill, có thể chuyển các chữ ISSN sang chữ cái ấy, cụ thể là: ISSN.

**3.11.4** Nhan đề khóa từ tên do cơ quan đại diện quốc gia về ISSN quy định cho ấn phẩm tiếp tục của nước mình nhằm mục đích nhận dạng chính xác ấn phẩm ấy. Cơ sở thành lập nhan đề khóa là nhan đề in trên ấn phẩm tiếp tục. Nếu trên ấn phẩm in sai, thì trong mô tả phải sửa lại theo các tài liệu tra cứu. Nhan đề khóa ghi sau ISSN và cách chỉ số này bởi dấu bằng (=), ví dụ:

ISSN 0866 – 8701 = Điện ảnh Việt Nam

ISSN 0866 – 7977 = Nhân dân

**3.11.5** Giá tiền của mỗi số (quyển, tập) được ghi vào vùng này nếu giá ấy ổn định và là chung cho tất cả hoặc phần lớn các số của ấn phẩm tiếp tục. Nếu vừa có giá bán lẻ từng số vừa có giá đặt mua cả năm (hoặc 6 tháng) thì nêu cả hai (trong trường hợp giá đặt mua dài hạn rẻ hơn giá bán lẻ), giữa hai thông tin về giá đặt dấu hai chấm (: )

**3.11.6** Trong các thông tin về số lượng in, nêu số lượng in một số (quyển, tập,..) nếu số lượng đó không thay đổi với tất cả hay phần lớn các số (quyển, tập..). Trước các thông tin này đặt dấu phẩy (,)

### **3.12 Phần riêng**

**3.12.1** Phần riêng liệt kê các số (quyển, tập) của các đơn vị ấn loát hợp thành ấn phẩm tiếp tục, các bảng tra, phụ trương cũng như các thông tin thư mục khác về các thành phẩm được liệt kê của ấn phẩm tiếp tục (phần riêng thường chỉ liệt kê vốn ấn phẩm tiếp tục hiện có của từng cơ quan thông tin, thư viện, trừ trường hợp các thư mục có tính chất thống kê đăng ký tổng quát).

**3.12.2** Tất cả các thông tin trong phần riêng đều không bắt buộc. Số lượng và thành phần các yếu tố nêu trong phần riêng do cơ quan biên soạn mô tả quy định. Hình thức ngắn gọn nhất là nêu các đơn vị thứ tự chính.

**3.12.3** Đơn vị thứ tự chính quyết định trình tự mô tả trong phần riêng. Đơn vị thứ tự chính là năm, nếu đánh số theo năm; là tập (số) nếu đánh số xuyên suốt (liên tục từ đầu) ghi đầu tiên là tập. Đơn vị thứ tự chính có thể gồm những đơn vị thứ tự nhỏ hơn (tập chia thành số, quyển..)

Các thông tin về bảng tra và phụ lục, phụ trương, ...nêu ở cuối phần riêng (đối với ấn phẩm đã đình bản). Còn bình thường thì những thông tin này có thể nêu theo thứ tự các năm xuất bản chúng trong phần liệt kê các đơn vị thứ tự chính.

**3.12.4** Các yếu tố có liên quan đến một tập (quyển, số) được mô tả theo điều 2.11.2.

**3.12.5** Nguồn lấy các thông tin thư mục để mô tả phần riêng là các tập (số, quyển) của ấn phẩm tiếp tục.

**3.12.6** Trong phần riêng sử dụng các dấu phân cách như đã quy định trong điều 2.11.4.

**3.12.7** Các từ (ký hiệu) "Tập", "Số", "Quyển".. viết tắt, theo quy định. Ví dụ: T., No, Q.

Số thứ tự và năm tháng, ghi bằng chữ số Ả rập, ví dụ:

T.2. No6

1980, No30

**3.12.8** Các yếu tố có liên quan đến tập, quyển, số,... của ấn phẩm từng thư hay tập văn ra định kỳ (hoặc không định kỳ) được mô tả theo điều 2.11. (ấn phẩm nhiều tập).

**3.12.9** Đặc điểm mô tả một số yếu tố nằm trong phần riêng của mô tả tổng hợp ấn phẩm tiếp tục.

Trong các mô tả tạp chí, báo, tập san định kỳ có đơn vị thứ tự chính bao gồm nhiều đơn vị thứ tự nhỏ hơn (số, quyển, tập, ...). Các thông tin về khối lượng, kích thước, giá tiền và số lượng in cũng như về năm xuất bản được mô tả không phải cho từng số mà cho đơn vị thứ tự chính nói chung theo các điều 3.8; 3.12, ví dụ:

T.10, No1-6. - 1983 - 1000 bản.

C: Không nêu năm xuất bản trong phần riêng đối với các ấn phẩm tiếp tục đánh số theo năm, ví dụ:

1981, No1 - 12. - 25160 - 28120 bản.

1973, 1-3-4-16k. No 620 - 700 bản.

## 4 Mô tả tài liệu kỹ thuật và định mức kỹ thuật

### 4.1 Những quy định cơ bản

**4.1.1** Đối tượng mô tả là các tài liệu tiêu chuẩn, tài liệu định mức kinh tế - kỹ thuật, tài liệu Patent, đồ án thiết kế mẫu, bản vẽ kỹ thuật, catalô công nghiệp và bảng giá. Những tài liệu này có thể được xuất bản riêng, thành tuyển tập hoặc ấn phẩm nhiều tập.

**4.1.2** Bản mô tả thư mục tài liệu kỹ thuật và định mức kỹ thuật về cơ bản cũng bao gồm những vùng và những yếu tố như trong mô tả sách (phần 2). Để mô tả một số dạng tài liệu có thêm vùng các thông tin đặc thù phản ảnh các yếu tố đặc trưng cho một dạng tài liệu nhất định. Vùng này được xếp sau vùng lần xuất bản. Trong trường hợp không có vùng lần xuất bản thì xếp sau vùng nhan đề và những thông tin về trách nhiệm.

### 4.2 Mô tả các tài liệu tiêu chuẩn

**4.2.1** Đối tượng mô tả là tiêu chuẩn, qui phạm kỹ thuật được xuất bản riêng biệt, thành tuyển tập hoặc ấn phẩm nhiều tập.

**4.2.2** Từng tiêu chuẩn và qui phạm kỹ thuật riêng biệt.

**4.2.2.1** Danh mục các vùng và các yếu tố mô tả từng tiêu chuẩn và qui phạm kỹ thuật riêng biệt.

#### Vùng nhan đề

Nhan đề chính

\* = Nhan đề song song

: Thông tin liên quan đến nhan đề

Vùng lần xuất bản

Thông tin về lần xuất bản

Vùng thông tin đặc thù.

Ký hiệu của tài liệu có hiệu lực trước đó (nếu tài liệu được biên soạn để thay thế nó).

;ngày tháng và thời hạn có hiệu lực của tài liệu

Vùng địa chỉ xuất bản

Nơi xuất bản

: Nhà xuất bản hoặc cơ quan xuất bản

, năm xuất bản

Vùng đặc trưng số lượng

Số lượng trang

: Minh họa

Vùng từng thư

(Nhan đề chính của từng thư)

Vùng phụ chú

**4.2.2.2** Nguồn lấy thông tin thư mục là: trang tên, bìa, trang đầu kết hợp với chính văn, phụ lục, thư mục các tài liệu tiêu chuẩn.

**4.2.2.3** Vùng nhan đề

Nhan đề chính là tên gọi của đối tượng tiêu chuẩn hóa.

Nhan đề gồm cả những thông tin làm chính xác thêm nội dung và loại hình tài liệu công dụng của nó, ví dụ:

Gạch xây. Phương pháp xác định cường độ uốn giới hạn.

Quy tắc nêu nhan đề song song theo mục 2.4.4.

Trong thông tin liên quan đến nhan đề, bắt buộc phải nêu ký hiệu của tài liệu, trừ trường hợp ký hiệu đó được nêu trước nhan đề chính, ví dụ: TCVN 3646 - 81.

: CT CQB 4156 - 83

**4.2.2.4** Vùng lần xuất bản

Nêu các dẫn liệu về sự tái bản tài liệu như đã trình bày trong tài liệu, ví dụ:

Tái bản có bổ sung. Tháng 4 năm 1982

**4.2.2.5** Vùng các thông tin đặc thù

Ký hiệu tiêu chuẩn có hiệu lực trước đó được nêu sau từ “thay”, ví dụ:

Thay TCVN 2071 - 72

Thời gian có hiệu lực được nêu bằng chữ số Ả Rập bao gồm ngày, tháng và hai chữ số cuối cùng của năm.

Ngày tháng này được nêu sau các chữ Có hiệu lực từ, ví dụ:

Có hiệu lực từ 01.01.77 đến 01.07.82.

**4.2.2.6** Vùng địa chỉ xuất bản

Quy tắc mô tả các thông tin trong vùng theo mục 2.6.

**4.2.2.7** Vùng đặc trưng số lượng

Qui tắc mô tả các thông tin trong vùng theo mục 2.7

**4.2.2.8** Vùng từng thư

Nhan đề của một bộ tiêu chuẩn có cùng công dụng được nêu đúng như trong tài liệu, ví dụ: Hệ thống tiêu chuẩn về công tác thông tin, thư viện và xuất bản.

**4.2.2.9** Vùng phụ chú

Nêu thông tin bổ sung và thông tin được công bố trong các bảng tra thư mục tiêu chuẩn, ví dụ: sự thay thế hay hủy bỏ, những sửa đổi và bổ sung, những thay đổi về thời hạn có hiệu lực, tái bản.

**4.2.2.10** Trong bản mô tả thư mục tiêu chuẩn phải nêu thêm chỉ số phân loại thập phân bách khoa có chỉ số xác định địa lý, mã số của nhóm tài liệu theo phân loại tiêu chuẩn quốc gia và tên nước ban hành tiêu chuẩn.

Trong các ấn phẩm thông tin và các ấn phẩm khác thông tin này được nêu ở cuối bản mô tả.

Trong phiếu mục lục, chỉ số phân loại thập phân bách khoa được nêu ở góc trên, bên trái, tên nước và mã số nhóm tiêu chuẩn được ghi ở góc trên, bên phải.

#### **4.2.3 Mô tả tuyển tập tài liệu tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật**

**4.2.3.1** Tuyển tập tài liệu tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật được mô tả như mô tả sách (xem phần 2). Trong trường hợp này ở phần thông tin liên quan đến nhan đề phải nêu từ “tuyển tập” và ký hiệu các tài liệu theo đúng trình tự như trên trang tên.

Nhan đề chính là nhan đề chung của tuyển tập.

Trường hợp những thông tin đặc thù của tất cả các tiêu chuẩn trong tuyển tập giống nhau thì bắt buộc phải nêu chúng.

**4.2.3.2** Tuyển tập tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật được xuất bản dưới dạng ấn phẩm nhiều tập được mô tả theo mục 2.1.1.

#### **4.3 Mô tả tài liệu định mức kinh tế - kỹ thuật**

**4.3.1** Đối tượng mô tả là các tài liệu định mức lao động (thời gian, chế biến, tiền lương, mức sản xuất); các quy phạm và hướng dẫn thi công xây dựng, thiết kế; định mức tiêu hao nguyên vật liệu; bảng giá, biểu giá, cước phí.

**4.3.2** Tài liệu định mức kinh tế - kỹ thuật được mô tả theo các quy tắc mô tả sách (phần 2).

**4.3.3** Trong phần các thông tin liên quan đến nhan đề phải nêu ký hiệu tài liệu (nếu không sử dụng tiêu đề mô tả) các dẫn liệu về phê chuẩn, thời gian hoặc thời hạn có hiệu lực, ký hiệu tài liệu được thay thế. Trường hợp, nếu thời gian phê chuẩn trùng với thời gian đã nêu trong ký hiệu tài liệu thì không phải nêu lại.

#### **4.4 Mô tả tài liệu patent**

**4.4.1** Đối tượng mô tả là tài liệu patent (mô tả phát minh, mô tả sáng chế kèm theo bằng tác giả sáng chế hoặc bằng sáng chế độc quyền, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và đơn xin cấp chứng) được công bố thành từng ấn phẩm riêng biệt hay là một phần của ấn phẩm tiếp tục.

Danh mục các vùng và các yếu tố mô tả các tài liệu patent:

Vùng nhan đề và thông tin về tình trạng pháp lý

##### Nhan đề chính

\* Thông tin liên quan đến nhan đề

Thông tin về tình trạng pháp lý

/ Thông tin về tác giả sáng chế

\* Thông tin về chủ sáng chế (cá nhân hay tổ chức)

Vùng thông tin đặc thù

Số đăng ký của đơn xin cấp bằng sáng chế

; Ngày nộp đơn



; Ngày công bố và / hoặc thông tin về ấn phẩm chính thức đăng các thông tin về tài liệu patent.

; Thông tin về cấp bằng sáng chế

; Chỉ số phân loại sáng chế quốc gia

Vùng đặc trưng số lượng

Khối lượng

: Minh họa

Vùng phụ chú

**4.4.3** Nguồn lấy thông tin thư mục để mô tả là toàn bộ tài liệu patent, cũng như những quyết định chính thức về những thay đổi văn bản tài liệu và quy chế pháp luật của nó, những thông tin về việc áp dụng sáng chế và những thông tin nhận được theo con đường trao đổi quốc tế trên các vật mang khác nhau.

**4.4.4** Vùng nhan đề và thông tin về tình trạng pháp lý

**4.4.4.1** Nhan đề chính (tên sáng chế) được nêu đúng như trên trang tên.

**4.4.4.2** Trong thông tin liên quan đến nhan đề nêu ký hiệu dạng tài liệu patent, số tên nước cấp bằng, chỉ số phân loại quốc tế của sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp, hàng hóa và dịch vụ, ví dụ:

Bằng tác giả 1007559Liên Xô B25J15/00

Patent 1007559 Anh F 02 M 35/10.

**4.4.4.3** Trong thông tin về tình trạng pháp lý nêu họ tên tác giả sáng chế, người nộp đơn và/ hoặc chủ sáng chế, cơ quan nộp đơn. Những thông tin này được ghi theo trình tự như trong tài liệu gốc và theo qui tắc của mục 2.4.6. Khi cần thiết có thể nêu tên nước trong ngoặc đơn ngay sau họ tên hoặc cơ quan.

**4.4.5** Vùng thông tin đặc thù

Trong vùng này nêu số đăng ký của đơn; thời gian nộp đơn; thời gian công bố hoặc những thông tin về ấn phẩm chính thức thông báo về tài liệu sáng chế phát minh; những thông tin về cấp bằng: ngày, tháng nộp đơn, số và tên gọi nước cấp bằng. Tên nước cấp bằng nêu trong ngoặc đơn, ví dụ: N 278 2807/25-26; Nộp đơn 25-06-79; Công bố 23.03.83, thông báo sáng chế N 11; Cấp bằng ngày 26.06.78, N 68493 A/78 (Italia).

Trong vùng này có thể nêu cả chỉ số phân loại quốc gia các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa.

**4.4.6** Vùng đặc trưng số lượng

Quy tắc mô tả, xem mục 2.7

**4.4.7** Vùng phụ chú

Trong vùng này nêu số của bằng tác giả hoặc patent chính mà tài liệu được mô tả bổ sung cho nó, những thông tin về những thay đổi mang tính pháp lý, v.v...

## 4.5 Mô tả bản vẽ và đồ án thiết kế mẫu riêng lẻ

4.5.1 Đối tượng mô tả là các thiết kế mẫu (bộ các tài liệu kỹ thuật bao gồm các bản vẽ, tính toán kỹ thuật, dự toán và thuyết minh), bản vẽ kỹ thuật được xuất bản riêng lẻ, các thiết kế mẫu và bản vẽ mẫu được thực hiện dưới dạng các an bom có đánh số.

4.5.2 Các bản vẽ và đồ án thiết kế mẫu được mô tả theo các quy tắc mô tả sách (phần 2).

4.5.3 Nhan đề chính là tên gọi đồ án thiết kế hoặc bản vẽ mẫu.

4.5.4 Trong thông tin liên quan đến nhan đề nêu các thông tin về dạng tài liệu (thiết kế mẫu, bản vẽ v.v...), ký hiệu của bản vẽ hoặc đồ án, cơ quan duyệt, ngày duyệt và thực hiện, ví dụ:

Kho trung tâm của nhà máy sửa chữa tàu thuyền, Kiểu II Nhiệt độ tính toán bên ngoài -20, - 30, -40°C.  
Tường bê tông đúc sẵn: thiết kế mẫu 709-139; Bộ GTVT, thực hiện từ 01.03.78.

4.5.5 Trong thông tin về trách nhiệm nêu tên cơ quan thiết kế.

4.5.6 Vùng địa chỉ xuất bản

Trong vùng này nêu nơi xuất bản, cơ quan xuất bản và phát hành tài liệu (tên rút gọn), năm xuất bản.

4.5.7 Vùng phụ chú

Trong vùng này nêu mối quan hệ với các tài liệu khác, thông tin bổ sung, sửa đổi v.v...

4.5.8 An bom các thiết kế mẫu được xuất bản thành nhiều tập có đánh số thứ tự được mô tả tổng hợp theo mục 2.11.

## 4.6 Mô tả catalô công nghiệp

4.6.1 Đối tượng mô tả là các catalô công nghiệp được công bố dưới dạng ấn phẩm một tập, nhiều tập hay từng thư.

4.6.2 Danh mục các vùng và các yếu tố mô tả catalô công nghiệp

Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Nhan đề chính

\* = Nhan đề song song

\* : Thông tin liên quan đến nhan đề

/ Thông tin về trách nhiệm

Vùng lần xuất bản

Thông tin về lần xuất bản

Vùng thông tin đặc thù

Thông tin về người thiết kế

; Thông tin về người (hãng) sản xuất

; Thông tin về cơ quan thương nghiệp

/ Thông tin về cách giới thiệu sản phẩm của người sản xuất (triển lãm, hội chợ, v.v...)

Vùng địa chỉ xuất bản

Nơi xuất bản

: Nhà hoặc cơ quan xuất bản

Năm xuất bản

Vùng đặc trưng số lượng

Khối lượng trang

: Minh họa

; Khổ

\* + Tài liệu kèm theo

Vùng tùng thư

(Nhan đề chính của tùng thư

\* : Thông tin liên quan đến nhan đề tùng thư

, Số tiêu chuẩn quốc tế của tùng thư

; Số thứ tự tập của tùng thư

. Nhan đề chính của tùng thư con

\* : Thông tin liên quan đến nhan đề của tùng thư con

, Số tiêu chuẩn quốc tế của tùng thư con

; Số thứ tự tập của tùng thư con)

Vùng phụ chú

Vùng chỉ số sách theo tiêu chuẩn quốc tế (ISBN), giá và số lượng in.

ISBN

\* : Giá

, Số lượng in

#### 4.6.3 Nguồn lấy thông tin để mô tả- theo mục 2.2

#### 4.6.4 Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Nhan đề chính được nêu đúng như trong ấn phẩm bao gồm những thông tin về nhãn, kiểu, v.v...

Trong những thông tin liên quan đến nhan đề nêu những thông tin về tính chất hoặc dạng ấn phẩm; ngày bắt đầu sản xuất hàng loạt hoặc thời điểm áp dụng của chúng.

Trong thông tin về trách nhiệm nêu tên cơ quan lập catalô.

#### 4.6.5 Vùng lần xuất bản

Quy tắc mô tả, xem 2.5.

#### 4.6.6 Vùng thông tin đặc thù

Quy tắc mô tả, xem 4.5.2.

#### 4.6.7 Vùng địa chỉ xuất bản

## **TCVN 4743 : 1989**

Quy tắc mô tả, xem 2.6.

Trường hợp không có nơi xuất bản thì nêu địa chỉ của hãng.

### **4.6.8 Các vùng tiếp theo**

Quy tắc mô tả, xem 2.8 - 2.11

**4.6.9** Đối với các phiếu thư mục catalô công nghiệp nước ngoài khi cần thiết, có thể thêm tên hãng trước bản mô tả và tên nước (bằng tiếng Việt) ở góc trên bên phải tờ phiếu.

**4.6.10** Từng tập riêng của các catalô công bố dưới dạng ấn phẩm nhiều tập hay ấn phẩm tiếp tục được mô tả như ấn phẩm một tập. Trong trường hợp này nhan đề chính là nhan đề riêng của tập. Nhan đề chung, ký hiệu và số thứ tự của tập được nêu trong vùng từng thư.

Các ấn phẩm nêu trên cũng có thể được mô tả tổng hợp theo các quy tắc ở mục 2.11.

## **4.7 Mô tả bảng giá**

**4.7.1** Đối tượng mô tả là các bảng giá vật liệu, thiết bị và sản phẩm.

**4.7.2** Các bảng giá được mô tả theo các quy tắc mô tả sách (phần 2)

**4.7.2.1** Nhan đề chính là tên gọi chuyên đề của bảng giá, ví dụ:

Giá bán buôn vật liệu xây dựng

**4.7.2.2** Trong phần "Thông tin liên quan đến nhan đề" phải nêu rõ từ "Bảng giá" và số của nó; tên cơ quan duyệt; ngày tháng duyệt; ngày tháng và thời hạn thi hành.

## **5 Mô tả tài liệu không công bố**

### **5.1 Những quy định cơ bản**

**5.1.1** Đối tượng mô tả là các tài liệu không công bố, bao gồm: báo cáo nghiên cứu khoa học, tài liệu dịch, luận án khoa học.

**5.1.2** Bản mô tả thư mục các tài liệu không công bố về cơ bản cũng bao gồm những vùng, yếu tố như mô tả sách (phần 2), có thêm vùng "thông tin đặc thù". Vùng này được xếp sau vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm.

### **5.2 Mô tả các báo cáo nghiên cứu khoa học**

**5.2.1** Đối tượng mô tả là các báo cáo nghiên cứu khoa học được lập theo mẫu quy định trong Quyết định số 271 ngày 6 tháng 6 năm 1980 của chủ nhiệm ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.

**5.2.2** Danh mục các vùng và các yếu tố mô tả báo cáo nghiên cứu khoa học.

Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Nhan đề chính

: Thông tin liên quan đến nhan đề

/ Thông tin về trách nhiệm

Vùng thông tin đặc thù

Ký hiệu giai đoạn (hoặc bước)

; Số đăng ký nhà nước

; Số đăng ký tài sản

; Các số khác

Vùng địa chỉ xuất bản

Nơi lập báo cáo

, Ngày hoàn thành báo cáo

Vùng đặc trưng số lượng

Khối lượng

: Minh họa

Vùng phụ chú

**5.2.3** Nguồn lấy thông tin để mô tả, xem mục 2.2.

**5.2.4** Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Nhan đề chính là tên gọi công trình (đề tài) nghiên cứu nói chung và tên báo cáo (Nếu nó không trùng với tên công trình khoa học).

Thông tin liên quan đến nhan đề bao gồm những thông tin về dạng tài liệu: báo cáo nghiên cứu khoa học, dạng báo cáo (sơ kết, tổng kết). Những thông tin này cần nêu đúng như trong tài liệu gốc.

Thông tin về trách nhiệm gồm tên cơ quan chủ trì công trình nghiên cứu, họ tên chủ nhiệm đề tài, tên cơ quan và họ, tên chủ nhiệm đề tài được nêu đúng như trong tài liệu gốc.

Trong trường hợp công trình (đề tài) do hai hoặc nhiều cơ quan cùng thực hiện thì chỉ nêu tên cơ quan chịu trách nhiệm chính và họ, tên người chịu trách nhiệm về toàn bộ công trình.

**5.2.5** Vùng thông tin đặc thù

Ký hiệu giai đoạn nghiên cứu được nêu đúng như trong báo cáo

Số đăng ký nhà nước, số đăng ký tài sản và các mã số nhận dạng khác phải được nêu đúng như trên trang tên của báo cáo có kèm theo ký hiệu của các mã số đó, ví dụ:

ĐK N 60. 01.80, TK 3351

**5.2.6** Vùng địa chỉ xuất bản

Quy tắc mô tả, xem mục 2.6

**5.2.7** Vùng đặc trưng số lượng

Quy tắc mô tả, xem mục 2.7

**5.2.8** Vùng phụ chú

Trong vùng này nêu họ, tên những người thực hiện, tên các cơ quan cùng thực hiện, thông tin về tài liệu tham khảo v.v...

**5.2.9** Các báo cáo nghiên cứu khoa học gồm nhiều phần có đánh số thứ tự thì được mô tả tổng hợp theo các quy tắc ở mục 2.11.

**5.2.10** Có thể mô tả riêng từng tập của một báo cáo nghiên cứu khoa học gồm nhiều tập theo các quy tắc ở mục 2.11.5.

### **5.3 Mô tả tài liệu dịch không công bố**

**5.3.1** Đối tượng mô tả là các tài liệu dịch không công bố được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác quản lý, nghiên cứu và sản xuất.

**5.3.2** Danh mục các vùng và yếu tố mô tả tài liệu dịch không công bố.

Thông tin về trách nhiệm gồm tên cơ quan chủ trì công trình nghiên cứu, họ tên chủ nhiệm đề tài, tên cơ quan và họ, tên chủ nhiệm đề tài được.

Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Nhan đề chính

: Thông tin liên quan đến nhan đề

/ Thông tin về trách nhiệm

Vùng thông tin đặc thù

Số nhận dạng tài liệu dịch

Vùng địa chỉ xuất bản

Nơi dịch

. Ngày, tháng hoàn thành bản dịch

Vùng đặc trưng số lượng

Khối lượng

: Minh họa

+ Tài liệu kèm theo

Vùng phụ chú

Thông tin về tài liệu gốc (nguyên bản)

**5.3.3** Nguồn lấy thông tin để mô tả là trang tên

**5.3.4** Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Nhan đề chính là nhan đề của tài liệu gốc đã dịch sang tiếng Việt, kể cả nhan đề của tập, phần, mục, v.v...

Thông tin liên quan đến nhan đề gồm những dẫn liệu giải thích rõ thêm nhan đề chính.

Thông tin về trách nhiệm gồm cơ quan dịch tài liệu, tên cơ quan quản lý công tác dịch (nếu có), tên những cơ quan này cách nhau qua dấu phẩy (;).

**5.3.5** Vùng thông tin đặc thù

Trong vùng này nêu các số nhận dạng của tài liệu dịch do cơ quan dịch và cơ quan điều hòa phối hợp công tác dịch quy định. Các số trên cách nhau qua dấu chấm phẩy (;).

**5.3.6** Vùng địa chỉ xuất bản

Trong vùng này nêu địa điểm nơi cơ quan dịch đóng (thành phố, thị xã, v.v...); ngày, tháng năm hoàn thành bản dịch, ví dụ:

H., 15.05.88

**5.3.7.** Vùng đặc trưng số lượng

Quy tắc mô tả, xem mục 2.7

**5.3.8** Vùng phụ chú

Trong vùng nêu thông tin về tài liệu gốc (nguyên bản), cũng như các ghi chú khác.

Trường hợp tài liệu dịch là một phần của tài liệu gốc thì những thông tin về tài liệu gốc được nêu theo trình tự sau: Tên tác giả, tên tài liệu bằng tiếng của bản gốc, từ “Dịch từ”, dạng tài liệu (sách, tạp chí, v.v...), thông tin thư mục 2-4, ví dụ:

Ю.А. Новиков. Принципы синтезирования научно – технической информации для руководителей. Dịch từ tạp chí:НТИ, сер.1, 1983. №2, 1-2.

Trường hợp dịch toàn bộ tài liệu thì những thông tin về tài liệu gốc được nêu theo trình tự: dạng tài liệu được dịch, thông tin thư mục về tài liệu gốc nêu theo các quy tắc ở phần 2-4, ví dụ:

**5.4 Mô tả luận án**

5.4.1 Đối tượng mô tả là các luận án trên đại học đã được bảo vệ.

Các luận án được công bố dưới dạng sách được mô tả theo các quy tắc ở phần 2.

Các luận án là một phần của quyển sách hay ấn phẩm tiếp tục được mô tả theo các quy tắc ở phần 6. Mô tả trích.

5.4.2 Danh mục các vùng và yếu tố mô tả luận án:

Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

**Nhan đề chính**

: Thông tin liên quan đến nhan đề

/ Thông tin về trách nhiệm

Vùng thông tin đặc thù

Ngày bảo vệ

; Ngày phê duyệt

; Số đăng kí nhà nước

Vùng địa chỉ xuất bản

Địa điểm viết luận án, Ngày tháng hoàn thành luận án

Vùng đặc trưng số lượng

Khối lượng

: Minh họa

\*+ Tài liệu kèm theo

**5.4.3** Nguồn lấy thông tin thu mục để mô tả là toàn bộ luận án. Ngoài ra có thể lấy thêm các thông tin từ Phiếu đăng ký luận án

**5.4.4** Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm

Quy tắc nêu nhan đề chính, xem mục 2.5.3.

Thông tin liên quan đến nhan đề được nêu theo trình tự sau: Dạng tài liệu, học vị được phong theo luận án, ví dụ:

Luận án phó tiến sĩ khoa học kỹ thuật

Thông tin về trách nhiệm được mô tả theo quy tắc ở mục 2.5.6.

**5.4.5** Vùng thông tin đặc thù

Ngày bảo vệ và ngày phê duyệt được ghi theo trình tự:

Ngày bảo vệ: .....

Ngày phê duyệt: .....

Số đăng ký nhà nước được ghi theo đúng như trong phiếu đăng ký luận án.

**5.4.6** Ngày tháng-hoàn thành luận án chính là ngày tháng viết xong luận án được nêu trên trang tên.

**5.4.7** Vùng phụ chú

ngôn ngữ của tài liệu được nêu theo các quy tắc ở mục 1.6.

Thông tin về tài liệu tham khảo

Các thông tin khác

**5.4.8** Luận án nhiều tập được mô tả tổng hợp theo các quy tắc ở mục 2.11 hoặc cũng có thể mô tả theo các quy tắc ở các mục 5.4.4.-5.4.7.

## **6 Mô tả trích**

### **6.1 Những quy định cơ bản**

**6.1.1** Đối tượng được mô tả là một phần tài liệu mà để nhận dạng và tìm được phần này thì cần có những thông tin về tài liệu chứa phần trích. Phần tài liệu được mô tả trích có thể là:



- Một tác phẩm độc lập (bài viết trong báo, tạp chí, hay tuyển tập). Một phần của tác phẩm (chương, phần, mục v.v...) có nhan đề độc lập.

### 6.1.2 Biên soạn mô tả trích cho một phần tài liệu.

Những thông tin về các chương (phần, mục v.v...) không có nhan đề riêng thì đưa vào phụ chú của phần mô tả chung cho cả tài liệu (xem mục 2.9.6 về các thông tin đưa vào phụ chú ở phần sách)

**6.1.3** Cho phép áp dụng trong mô tả trích cách viết tắt các từ và tập hợp từ theo quy định trong mô tả sách. Trong các thông tin về tài liệu chứa phần trích được phép viết tắt cả các từ là nhan đề của ấn phẩm tiếp tục, ví dụ:

KHKT nông nghiệp

Amer. Scientist

Изв. АН СССР

## 6.2 Nguồn lấy thông tin thư mục

Nguồn thông tin được mô tả trích được lấy theo quy định ở điều 1.2. và các điều tương ứng của các điều từ 2-5.

## 6.3 Cấu trúc cơ bản mô tả thư mục trích.

**6.3.1** Trong mô tả trích, thứ tự sắp xếp như sau:

Trước hết là thông tin về phần tài liệu được trích, sau đó là thông tin về tài liệu có chứa phần trích. Tiếp theo là phụ chú có liên quan đến phần trích và cuối cùng là phụ chú có liên quan đến tài liệu nói chung.

**6.3.2** Các vùng và các yếu tố có chứa thông tin về phần trích và về tài liệu chứa phần trích được nêu theo trình tự chung như mô tả sách và ấn phẩm tiếp tục tùy theo từng trường hợp (phần 1-5) có tính đến những yêu cầu riêng của phần này.

### Sơ đồ mô tả trích

#### Thông tin về phần trích của tài liệu // Thông tin về tài liệu chứa phần trích.-Phụ chú.

Trước những thông tin về tài liệu chứa phần trích, sử dụng dấu 2 vạch xiên có khoảng cách ở trước và sau dấu đó.

Trước phụ chú là dấu chấm gạch ngang.

## 6.4 Thông tin về phần trích của tài liệu

Tùy theo từng loại hình tài liệu mà đưa các vùng hoặc các yếu tố vào khu vực các thông tin về phần trích (xem các phần 2.4-5).

Nguồn lấy thông tin về phần trích của tài liệu là trang đầu của phần trích, trang tên phụ( trang lót) tên ở đầu các trang mục lục và cả trang cuối của chính văn (phần trích) nếu ở đó có thông tin về tác giả cá nhân hoặc tập thể đã tham gia vào việc biên soạn và xuất bản phần trích của tài liệu.

## **6.5 Thông tin về tài liệu chứa phần trích.**

**6.5.1** Nếu tài liệu chứa phần trích là sách hoặc các ấn phẩm nhất thời khác thì mô tả theo các phần 2, 4-5. Yếu tố ISBN không bắt buộc.

**6.5.2** Nếu tài liệu có chứa phần trích là ấn phẩm tiếp tục thì các vùng và các yếu tố được trình bày theo các quy định về mô tả ấn phẩm tiếp tục (xem phần 3). Trừ các thông tin dưới đây nêu theo trình tự sau:

Nơi xuất bản (đối với tập văn, tuyển tập);

Năm xuất bản:

ngày và tháng (đối với ấn phẩm hàng tuần):

Số, quyển, tập (đối với tạp chí và ấn phẩm tiếp tục không định kỳ)

Nhan đề riêng của số, quyển, tập

Số trang có chứa phần trích 9 trừ báo có khối lượng 9 tr. trở xuống) ISSN.

Nếu tài liệu là đối tượng mô tả trích nằm trong 2 hay nhiều số (quyển, tập) của ấn phẩm tiếp tục thì thông tin về mỗi số (quyển, tập) cách nhau bằng dấu chấm phẩy.

## **6.6 Những đặc điểm mô tả trích một số dạng tài liệu**

**6.6.1** Nếu phần trích nằm trong các tập hợp tác phẩm hoặc các tuyển tập thì thông tin về tài liệu chứa phần trích được mô tả theo mục 6.5.1. Tên tác giả không lặp lại trừ trường hợp thiếu thông tin này thì có thể hiểu sai (ví dụ 2).

Ví dụ 1:

Cây tre bạn đường/Nguyễn Tuân/ Tuyển tập.-H., 1982.- T.2.- Tr. 7-21.

Ví dụ 2:

Nguyễn Tuân tiểu luận và dựng chân dung văn học/ Nguyễn Đăng Mạnh//Tuyển tập/Nguyễn Tuân.-H., 1982.- T.2.- Tr. 273-280

**6.6.2** Nếu phần trích nằm trong một tập (quyển, số) của ấn phẩm nhiều tập hoặc ấn phẩm tiếp tục mà tập (quyển, số) ấy lại có nhan đề riêng thì mô tả các thông tin về tập này theo điều 6.5.2. nhan đề riêng của tập (quyển, số) có thể không nêu mà chỉ cần nêu các chữ, quyển, tập và số thứ tự của nó, ví dụ:

Chất hữu cơ trên nền đáy vịnh Nha Trang/ Nguyễn Ngọc Thạch, Trần Đình An//Tuyển tập nghiên cứu biển.-Nha Trang, 1979.- T.1,. Ph2.- Tr. 93-102.

Các thông tin về tài liệu chứa phần trích có thể mô tả theo điều 6.5.1. trường hợp này nhan đề chính của tài liệu là nhan đề riêng của tập (quyển, số) còn nhan đề chung của bộ hoặc ấn phẩm tiếp tục, ký hiệu tập quyển và số thứ tự của nó nêu ở vùng tùng thư. Cũng có thể không nêu nhan đề chung, ký hiệu tập và số thứ tự nếu điều này không cản trở việc nhận dạng và in tìm tài liệu.

**6.6.3** Mô tả phân tích các chương, phần, mục và các phần trích khác của tài liệu do những tác giả khác nhau viết thì theo quy định ở các điều 6.4, 6.5.1. Ký hiệu và số thứ tự của chương (phần, mục) nêu trước số trang.

**6.6.4** Nếu đối tượng mô tả là một nhóm bài có nhan đề tổng hợp thì mô tả trích được biên soạn theo nhan đề chung này và được coi là nhan đề chính. Sau nhan đề chính là các thông tin liên quan đến nhan đề và nêu đặc trưng của nhóm tài liệu ấy “tập, bài” “Báo cáo và thông báo” “Thông báo khoa học” “Các bài phát biểu”, v.v...) Khi không có những thông tin này trên tài liệu thì có thể tự đặt ra và đưa vào mô tả trong ngoặc vuông.

**6.6.5** Những thông tin về tư liệu có chứa những tài liệu này được mô tả theo mục 6.5.

**6.6.6** Những thông tin về tác giả và/ hoặc nhan đề của từng tài liệu được đưa vào phụ chú.

**6.6.7** Mô tả trích từng tài liệu riêng biệt có nhan đề chung tổng hợp được biên soạn theo các điều 6.3. -6.5. nhan đề tổng hợp thể đưa vào phần thông tin về tùng thư, ví dụ:

Чем движается век // Лит. газ. – 1981.- 18 февр. (№8).- сб.- (Проза быта и бытие прозы)

6.6.5 Khi mô tả các bài phê bình và tóm tắt thì thông tin về tài liệu được phê bình hoặc tóm tắt đưa vào phụ chú sau từ ”phê bình cuốn:”phê bình bài”, ”tóm tắt cuốn”, ”tóm tắt bài” hoặc bằng các ngôn ngữ khác có nghĩa tương đương, ví dụ:

Неизвестное об известном/ Е. Ершова// Звезды.- 1983.- 14.- с. 200-202.- Рец. На кн.: Том с Ленинской полки/ А. М. Любарская. – М., 1981.- 192с.

Khi mô tả như mục một bài phê bình (tóm tắt) xuất bản thành một ấn phẩm riêng biệt thì theo quy định ở phần mô tả sách.

6.6.5.1 Nếu bài phê bình không có nhan đề thì ghi các chữ “bài phê bình” bằng tiếng Việt ho bằng các ngôn ngữ khác, với nghĩa tương đương, trong ngoặc vuông ví dụ:

[Рецензия] / Т. Мирсаатов, Т. Ширинов// Крадкие сообщения/ АН СССР. Ин-т археологии.- 1980.- 161.- с. 118-120

## Phụ lục 1

### Những thuật ngữ chủ yếu trong mô tả thư mục

#### 1 Ấn phẩm tiếp tục:

Ấn phẩm được xuất bản tuần tự thành nhiều kỳ (số) thường đánh thứ tự theo số hoặc theo thời gian được xuất bản trong một khoảng thời gian không xác định trước. Ấn phẩm tiếp tục bao gồm ấn phẩm định kỳ, ấn phẩm không định kỳ và ấn phẩm từng thư.

#### 2 Ấn phẩm tiếp tục không định kỳ:

Tài liệu được xuất bản với các số (tập) ra sau những khoảng thời gian không đều nhau.

#### 3 Biểu ghi thư mục (phiếu mô tả thư mục)

Tập hợp thông tin thư mục bao gồm mô tả thư mục được bổ sung thêm tiêu đề, chú thích hoặc tóm tắt, ký hiệu phân loại, đề mục chủ đề, ký hiệu xếp giá vv...tùy theo nhu cầu của từng cơ quan mô tả thư mục.

#### 4 Đối tượng mô tả:

Tài liệu, một phần của tài liệu, một nhóm tài liệu được biên soạn một mô tả thư mục.

#### 5 Mô tả thư mục:

Tập hợp các thông tin thư mục về tài liệu, một bộ phận của tài liệu hay một nhóm tài liệu được nêu theo những quy tắc nhất định. Các thông tin ấy cần và đủ để nhận xét đặc điểm chung và nhận dạng tài liệu.

#### 6 Mô tả trích (mô tả phân tích):

Mô tả thư mục một bộ phận cấu thành của tài liệu. Bao gồm 2 phần: những thông tin về bộ phận cấu thành và về tài liệu có chứa hoặc phản ánh bộ phận đó.

#### 7 Nhan đề song song:

Nhan đề bằng ngôn ngữ khác với nhan đề chính. Ấn phẩm có thể có một hoặc nhiều nhan đề song song.

#### 8 Tiêu đề:

Yếu tố biểu ghi thư mục chứa nhân vật (tiêu đề tác giả cá nhân), hay tên tổ chức (tiêu đề hình thức) hay tên thống nhất hay các thông tin khác được trình bày trước mô tả thư mục với mục đích sắp xếp và tìm kiếm biểu ghi thư mục.

9 Tàng thư:

Tập hợp các ấn phẩm có chung chủ đề, đối tượng sử dụng hoặc nhà xuất bản (cơ quan biên soạn). Các ấn phẩm nằm trong tàng thư thường có hình thức trình bày như nhau, có nhan đề chung và đánh số hoặc không đánh số. Mỗi ấn phẩm có nội dung độc lập và có tên riêng.

10 Tàng thư con (tàng thư cấp dưới, tàng thư phụ):

Một thành phần của tàng thư khác có đề tài rộng hơn.

11 Vùng chỉ số ấn phẩm tiếp tục theo tiêu chuẩn quốc tế (ISSN)

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin cần thiết để nhận dạng, đăng ký, trao đổi, phát hành và thống kê xuất bản ấn phẩm tiếp tục.

12 Vùng chỉ số sách theo tiêu chuẩn quốc tế (ISBN); giá tiền và số lượng in:

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin cần thiết để nhận dạng, đăng ký, trao đổi, phát hành và thống kê xuất bản sách.

13 Vùng đặc trưng số lượng:

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin về số lượng trang, khổ tài liệu, minh họa, phụ bản và tài liệu kèm theo.

14 Vùng địa chỉ xuất bản:

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin về địa điểm xuất bản, về nhà xuất bản hoặc cơ quan xuất bản và về năm xuất bản tài liệu và cả những thông tin về in, ấn phát hành.

15 Vùng lần xuất bản:

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin về lần xuất bản về những nét khác biệt hoặc đặc thù của lần xuất bản này so với những lần xuất bản khác của cùng một tài liệu.

16 Vùng mô tả thư mục:

Đơn vị cấu thành của mô tả thư mục bao gồm một hoặc nhiều yếu tố cùng loại về chức năng và/hoặc nội dung mô tả thư mục.

17 Vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm:

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin chủ yếu về tài liệu để phân biệt nó với tài liệu khác, cụ thể là những thông tin liên quan đến nhan đề, đồng thời những thông tin về các cá nhân, các tổ chức tham gia vào việc biên soạn và xuất bản tài liệu.

18 Vùng số thứ tự (vùng đánh số):

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin về số xuất bản đầu tiên và số cuối cùng và/hoặc thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc, đồng thời cả những thông tin về sự gián đoạn trong xuất bản, về những thay đổi trong cách đánh số thứ tự.

19 Vùng phụ chú:

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin bổ sung có liên quan đến từng vùng mô tả hoặc liên quan đến tài liệu nói chung.

20 Vùng thông tin đặc thù:

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin chỉ liên quan đến một loại tài liệu nhất định (ví dụ như vùng số thứ tự trong mô tả ấn phẩm tiếp tục)

21 Vùng từng thư:

Vùng mô tả thư mục bao gồm những thông tin về ấn phẩm tiếp tục hoặc ấn phẩm nhiều tập mà đối tượng mô tả là một phần của ấn phẩm đó.

## Phụ lục 2

### Những ví dụ mô tả thư mục Sách

#### Ấn phẩm một tập

Cách mạng khoa học - kỹ thuật và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam = НТР и строительство социализма во Вьетнаме/ B.t.: Iu.G.Đôrunin; Ng.d.: Nguyễn Trọng Chuẩn. - M.: Tiến bộ S.1986. - 287tr.; 16cm. - T.m.: tr.267-284.

Cấu tạo toa xe/ Lăng Tiến Minh. - H: Giao thông vận tải, 1985 - 282tr.: Minh họa + 1 ph.b.rời; 20cm. - 8đ.

Возникновение турбулентности в пограничном слое / Ю. С. Качанов, В. В. Козлов, В. Я. Левченко; Отв. Ред.: В. Е. Накоряков. - Новосибирск: Наука, 1982. - 152 тт.; 22 см. - Đề phụ trên ghi: АН СССР, .... T.m.: tr.140-149.

Algae as ecological indicators/ Ed. By L. Elliot Shubert. - Lond.,....: Acad. Pr., C.1984. -XII, 434 tr.: minh họa; 20cm. -T.m. - T.m.: cuối mục. -ISBN 0-12-640620-0.

Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI/ Đảng cộng sản Việt Nam. - H: Sự thật, 1987. - 284 tr.; 18 cm. - 15đ.

Về cơ cấu kinh tế theo vùng lãnh thổ, Viện Mác Lê Nin. viện chủ nghĩa xã hội khoa học. - H.: Thông tin lý luận, 1987. - 164 tr.; 18cm.

#### Tuyển tập không có nhan đề chung

Ngôi nhà trái tim tan vỡ; Nữ thánh Jan; Chiếc xe táo: Kịch/Bơc-na Sô; Bùi ý,... dịch. - H.: Văn học, 1975.-695 tr.; 19cm. - Tên sách ghi ngoài bìa: Kịch. - 7đ ; 5000b.

Độc đảm bảo rằng bằng vàng: [Kịch ba hồi của Bungari]/ Đragômia A-xê-nốp; Ng.d.: Vũ Đình Phòng; Lisa mắt đen: [Kịch dài 8 cảnh của Cộng hoà dân chủ Đức] // Hen-mut Sa-cốp-xki; Ng.d.: Quang Chiến.-H.: Văn học, 1981. -202 tr.; 19 cm. -5đ. 2000b.

#### Ấn phẩm nhiều tập

Cơ học lý thuyết: tài liệu kỹ thuật chuyên nghiệp. - H.: Bộ Công nghiệp nặng, 1960-1961. - 3t.; 20cm.

T.1: Tĩnh học / Phạm Văn Lãm. - 1960. - 196 tr. : Minh họa.

T.2: Động học / Ngô Văn Thảo. - 1960. - 110 tr.: - T.m.: tr. 110.

T.3: Động lực học / Ngô Văn Thảo. - 1961. - 104 tr. - T.m.: Tr. 100.

hoặc

Cơ học lý thuyết: Tài liệu kỹ thuật chuyên nghiệp. - H.: Bộ công nghiệp nặng, 1960 - 1961. - 3t.; 20cm.

hoặc

Cơ học lý thuyết: Tài liệu kỹ thuật chuyên nghiệp. - H.: Bộ công nghiệp nặng, 1960 - 1961. - 20cm. - T.1-3.

Từng tập riêng

Cơ học lý thuyết: Tài liệu kỹ thuật chuyên nghiệp. -H: Bộ công nghiệp nặng, 1960 - 1961. -3t.; 20cm.

T.1: Tĩnh học/ Phạm Văn Lãm. -1960. -196tr. : Minh họa

Hoặc

Cơ học lý thuyết T.1. Tĩnh học: Tài liệu kỹ thuật chuyên nghiệp/ Phạm Văn Lãm. -H: Bộ công nghiệp nặng, 1960. -196tr: minh họa.

Hoặc

Tĩnh học/ Phạm Văn Lãm. -H: Bộ công nghiệp nặng, 1960. -196tr: minh họa, 20cm. -(Cơ học lý thuyết T.1).

### **Ấn phẩm tiếp tục**

#### **Báo**

Nhân dân: Cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Việt Nam. -H., 1951. -Hàng ngày. -ISSN 0866-8973: 80đ. một số

#### **Tạp chí**

Việt Nam: Báo ảnh/ Việt Nam thông tấn xã. -1954. -H.: VNTTX, 1954. -28cm. -12 số. -ISSN 0866-806X.

Tạp chí có nhan đề thay đổi

Kỹ thuật điện lực/ Bộ điện lực. -1962, số 1 - 1986, số 5, -H: Bộ điện lực, 1962 - 1986. -25cm. - 6 số. - Tên mới từ 9/86-3/87: Tạp chí điện lực; Từ 3/87: Tạp chí năng lượng / Bộ năng lượng. -ISSN 0866-7063.

Tạp chí điện lực/ Bộ điện lực. -1986, số 6-1987 số 2. -H: Bộ điện lực, 1986 - 1987. -25cm. -6 số. - Tên cũ từ 1962-8/1986: Kỹ thuật điện lực; Tên mới từ 9/1987: Tạp chí năng lượng / Bộ năng lượng. -ISSN 0866 - 7063.

Hoặc

Tạp chí năng lượng / Bộ năng lượng. -1987, số 3. - H: Bộ năng lượng, 1987. -25cm. -6 số; Tên cũ từ 1962-8/1986: Kỹ thuật điện lực/ Bộ điện lực; Tạp chí điện lực/ Bộ điện lực. -ISSN 0866-7073.

### **Ấn phẩm kế tiếp**

Tổng quan khoa học kỹ thuật kinh tế / Viện thông tin khoa học kỹ thuật Trung ương. - 1 (1). -H.: Viện TTKHKTTU, 1987. - 25cm. -Xb không định kỳ. -Sáp nhập từ: Thông tin chuyên đề và Những vấn đề phát triển khoa học kỹ thuật. T.m.: cuối bài. -ISSN 0866-7721.

Số 1(1). -1987. -40tr.

...

Số 22(22): Chương trình hàng tiêu dùng của Hà Nội. -1987. -28tr.



## Ấn phẩm từng thư

Библиотека гидротехника и гидроэнергетика / Редкол.: Непорожний П. С. (пред.),... - Вып. I - . М.: Энергоатомиздат, 1967- . - 20 см. -Место изд.:вып. 64, 67 л.- Изд-во : вып. 1-63, 65-66, 68-69 Энергия; вып.64, 67 Энергия. Ленингр. Отд-ние; вып. 70-74 Энергоиздат.

Вып. 1 : Закладные части плоских затворов / К. И. Мельниченко. - 1967. - 91 тг.: minh họa - Т. м.: тг.90. - 39к., 1500в.

Вып. 75: Высоконапорные подземные водосборосы: (Из опыта проектирования гидроузлов Сред. Азии) / В. Ф. Илюшин, Е.И. Дубинчик. -1983. -140 тг.: minh họa. - Т. м.: тг. 101-103.- 40к. 2000в

Вып. 76: Регулирование термонапряженного состояния бетона при строительстве облегченных плотин / А. И. Епифанов, В. И. Сильницкий. -1983. -103 тг.: minh họa. - Т. м.: тг. 100-102.- 40к. 425в.

### Tài liệu kỹ thuật và định mức kỹ thuật

#### Tiêu chuẩn

#### Tiêu chuẩn được xuất bản riêng biệt

Tài liệu thiết kế. Tài liệu sử dụng sản phẩm = Система конструкторской документации. Эксплуатационные документы = System for design documentation. Exploitative documents: TCVN 3830-83. – Có hiệu lực từ 01.01.1985. – H.: [ủy ban khoa học kỹ thuật nhà nước], 1984. – 44 tr.: minh họa. – (Tiêu chuẩn nhà nước). Nhóm C Việt Nam.

Đề, qui trình phụ kỹ thuật phụ vữa gia cố: 14TCN. 1-85.- Có hiệu lực từ 12.04.85. – H.: Bộ thủy lợi. Vụ quản lý khoa học kỹ thuật, 1985.-1985.-29tr.: minh họa.-(Tiêu chuẩn ngành). Việt Nam.

#### Tuyển tập tiêu chuẩn

Tài liệu công nghệ:/Tập/: TCVN 3808-83 – TCVN 3815-83: Khuyến khích áp dụng. –H.:/ủy ban khoa học kỹ thuật nhà nước 1985.- 164 tr.: minh họa; 27cm. –(Tiêu chuẩn nhà nước). Nhóm T Việt Nam.

hoặc

ГОСТ 10749.1-80 и др. Спирт этиловый технический. Методы анализа : / Сборник/. - Взамен ГОСТ 10749-72; Введ. 01.01.82 до 01.01.87. - М.: Изд-во стандартов, 1981.- 47 ТТ.: minh họa. – nội dung: ГОСТ 10749.1-80-ГОСТ 10749.15-80. УДК 661.722: 54306. Группа Л29.(47) СССР.

#### Định mức

Định mức vật tư kỹ thuật (1984-1985)/ủy ban kế hoạch nhà nước.-H., 1984.-80 tr.;24cm.

### **Tài liệu sáng chế phát minh**

Multiple bypass-duct turbofan with annular flow plug nozzle and method of operating same/D.J.Dusa (Myx); General electric co (Mỹ). – N636442; Nộp đơn 01.01.75; Công bố 27.09.77. - 3tr., 2 tờ minh hoạ.

### **Bản vẽ và đồ án thiết kế mẫu**

#### **Bản vẽ và đồ án thiết kế mẫu riêng lẻ**

Tập bản vẽ thiết kế định hình đập đất đồng chất có chiều cao H25m: ĐN 2-77/Bộ Thủy lợi. -/H./: Vụ kỹ thuật, 1978. -21 tờ: minh hoạ; 18cm x 27cm.

### **Bản vẽ và đồ án thiết kế mẫu được xuất bản thành nhiều tập**

Градирни с вентиляторами 1ВГ50 пленочные, кацельные и брызгальные с секциями площадью 64 кв.м со стальным : Типовой проект 901-8-29 : Утв. И введ. В действие Гостроем СССР 04. 06.71 / Разраб. Союзводоканалпроект,...- М.: ЦИТП, 1977- . - Trên trang tên còn ghi: Промстройпроект, ЦНИИ Проектстальконструкция

Альбом 8 : Сметы. - 1977. - 9

Альбом 9 : Подъемно - транспортное оборудование. - 1977. -10

### **Catalô công nghiệp**

Homme appliances = Alat keperluan rumah/ Toshiba. – Tokyo, /198?/. – 27 tr.: minh hoạ; 28cm. Nhật Bản.

### **Bảng giá**

Прейскурант No 19-08. Оптовые цены на редукторы и муфты соединительные : Утв. Госкомцен СССР 12. 08. 80 : Ввод. в вдействие 01.01.82. - М.: Прейскурантиздат, 1980. -60 тг.; 22 см. - Беспл., 98500 экз.

### **Tài liệu không công bố**

#### **Báo cáo nghiên cứu khoa học**

Nghiên cứu và áp dụng các biện pháp chống rung cho các loại tua bin máy phát và các thiết bị quay khác trong nhà máy nhiệt điện: Báo cáo tổng kết đề tài 10.03.01.03/ Công ty điện lực I Chủ nhiệm Hoàng Tăng Thông. – 81-10-1539. –H., 1985. -84tr. :Minh hoạ - Cơ quan phối hợp: Đại học Bách khoa, Phạm Lương Tuệ.

### **Tài liệu dịch không công bố**

Động từ và tính từ chỉ trạng thái trong tiếng Anh, Viện thông tin khoa học xã hội. – H., /19 ? . -23 tờ. – G.Lakoff. English stative verb and adjective. Dịch từ tạp chí: Mathematical linguistics and automatic translation, 1966, NSF-17, tr.I-1-I-16.

Kinh tế quốc phòng trong thời đại hạt nhân/ Viện thông tin khoa học xã hội. –H., /19 ?/. – 243 tờ.  
 – Sách dịch: J. Hitch Charles, N.Mckean Doland. The economics of defnese in the nuclear age. – N.Y.  
 : Harvard University, 1974. – 225tr.

### Luận án

Chế độ tưới nước của khoai tây vùng Gia Lâm - Hà Nội/ Luận án PTS khoa học kỹ thuật nông nghiệp/ Ngô Đức Thiệu. - H., 1978. - 151tr. + 1 bản tóm tắt. - T.m.: tr.136.

Гражданско-правовое регулирование материально-технического обеспечения колхозов в СССР и СРВ : Канд. Юрид. Наук : Спец. 12.00.03 / Ле Хонг Хань. - Утв. 26.09.86. - М., 1986. - 2008 - 1 bản tóm tắt + 1 bản dịch tóm tắt. - T.m: tr.193-208. Bản dịch: Điều chỉnh bằng pháp luật dân sự việc cung ứng vật tư kỹ thuật cho các hợp tác xã ở Liên Xô và Việt Nam/ Lê Hồng Hạnh.

### Bài trích

#### Bài trích sách hay ấn phẩm một tập

Nghĩ về cái mới trong thơ/ Nguyễn Xuân Nam/ Thơ. Tìm hiểu và thưởng thức: Phê bình và tiểu luận. -H., 1985. - Tr.163-171.

Cơ sở nghiên cứu và các phương pháp định mức lao động/ Lê Minh Thạch, Nguyễn Thị Cành// Định mức và tổ chức lao động khoa học trong xí nghiệp công nghiệp. -H., 1987. -Tr.79-93.

Cây tre bạn đường/ Nguyễn Tu// Tuyển tập. -H., 1982. - T.2. - Tr.7-21.

Nguyễn Tuân tiểu luận và dựng chân dung văn học/ Nguyễn Đăng mạnh// Tuyển tập/ Nguyễn Tuân. -H., 1982. -T.2.- Tr.273-280.

Die regionale Differenzierung der Arbeitsein kommen in Sekundarbereich/ J.H.Muller, B. Schaeffer// Determinanten der raumlichen Entwicklung/ G.Aberle, N.Carlberg, B. Dietrichs,...- Ber.,1983.-Tr.93-123.

#### Bài trích ấn phẩm tiếp tục

Khu vực hóa hai giống ngô đông mới/ Dương Thế Phùng// Khoa học và đời sống. - 1988. -Số 19. -Tr.2.

Cơ giới hóa sản xuất ở đồng bằng sông Cửu Long/ Nguyễn Điền, Trần Quân, Hoàng Việt Hưng, Phan Thanh Tịnh// Khoa học kỹ thuật nông nghiệp. -1988-N2.- Tr.74-80.

Công tác khoa học kỹ thuật 5 năm 1981-1985 và phương hướng 1986-1990/ Đặng Hữu// Tạp chí hoạt động khoa học. -1986. - N10.-Tr.15-22.-Con nũa.

Khoa học kỹ thuật với việc phát triển đồng bằng sông Cửu Long/ Nguyễn Ngọc Trân// Tạp chí hoạt động khoa học. -1981. -N11. -Tr.5-11; N12.-Tr.19-21.

Исследование проблем автоматизации подготовки вторичных документов / А. Н. Павлов // Научно-техническая информация. Сер. 2. Информационные процессы и системы. - 1986. - N2. - Tr. 17-19

### **Bài trích tài liệu kỹ thuật và định mức kỹ thuật**

Quy tắc trình bày tài liệu đúc: TCVN 3809-83: Khuyến khích áp dụng// Tài liệu công nghệ: TCVN 3808-83-3815-83. -H., 1985. -Tr.4-35.

#### **Bài phê bình**

На пути к истине / А. Яхонтов // Лит. Россия. - 1979. - 14 сент. (N37). - Tr. II. - Phê bình tác phẩm: Расплата / В. Тендряков // Новый мир. - 1979.- N3. -Tr.6-9  
Неизвестное об известном // Звезда.- 1983. -N4. -Tr. 200-202. - Phê bình cuốn: Том с Ленинской полки / А. М. Любарская.. -М., 1981. -192 tr.

#### **Bài tóm tắt**

Một số vấn đề phát triển hệ thống thông tin khoa học và kỹ thuật quốc gia (Liên Xô)/ Nguyễn Tử Bình, Tạ bá Hưng// Hoạt động thông tin khoa học. -1987. -N1. Tr.25-30. Tóm tắt bài: Некоторые проблемы развития Государственной системы научно-технической информации НТИ. Сер. 2. - 1980. -N11. -Tr. 1-4.

#### **Bài trích chương**

Hệ thống cung cấp điện trong công nghiệp // Cung cấp điện trong các lĩnh vực kinh tế quốc dân/ Đặng Ngọc Dinh, Nguyễn Công Hiền, Nguyễn Đình Hòa. - H, 1987. - Ch. 1. - Tr. 5-37.

Tvardôpxki/ Nguyễn Kim Đính// Lịch sử văn học Xô Viết/ Huy Liên, Nguyễn Kim Đính, Hoàng Ngọc Hiến. - H, 1985. -T.2. Ch. 5. -Tr 302 - 346.

---